

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 01

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000001	Trương Thị Như Ái	05/06/2010	Nữ	10A7	Vật lí
2	10000002	Cao Phạm Xuân An	10/06/2010	Nữ	10A6	Vật lí
3	10000003	Đào Lương Xuân An	11/10/2010	Nam	10A7	Vật lí
4	10000004	Nguyễn Bình An	12/01/2010	Nam	10A8	Vật lí
5	10000005	Nguyễn Thị Hoài An	30/07/2010	Nữ	10A9	Vật lí
6	10000006	Nguyễn Thị Thúy An	17/02/2010	Nữ	10A8	Vật lí
7	10000007	Nguyễn Văn An	01/05/2010	Nam	10A3	Vật lí
8	10000008	Phù Thị Thúy An	12/06/2010	Nữ	10A8	Vật lí
9	10000009	Huỳnh Vũ Hoàng Anh	07/09/2010	Nam	10A3	Vật lí
10	10000010	Lê Nguyễn Tuấn Anh	14/04/2010	Nam	10A4	Vật lí
11	10000011	Nguyễn Lan Anh	13/12/2010	Nữ	10A7	Vật lí
12	10000012	Võ Ngọc Phương Anh	23/09/2010	Nữ	10A3	Vật lí
1	11000001	Nguyễn Thành An	20/10/2009	Nam	11B4	Tin
2	11000003	Nguyễn Đức Anh	19/09/2009	Nam	11B4	Tin
3	11000004	Nguyễn Phạm Quỳnh Anh	13/12/2009	Nữ	11B12	Tin
4	11000006	Phạm Trần Tú Anh	24/04/2009	Nữ	11B2	Tin
5	11000007	Trương Võ Hoàng Anh	24/06/2009	Nam	11B3	Tin
6	11000008	Lê Thụy Thùy Ánh	27/06/2009	Nữ	11B4	Tin
7	11000009	Nguyễn Hoàng Ân	26/04/2009	Nam	11B1	Tin
8	11000011	Cao Chí Bảo	09/08/2009	Nam	11B3	Tin
9	11000012	Nguyễn Duy Bảo	11/11/2009	Nam	11B12	Tin
10	11000016	Phạm Minh Bảo	26/09/2009	Nam	11B1	Tin
11	11000017	Phan Thới Hoàng Bảo	31/08/2009	Nam	11B5	Tin
12	11000018	Phạm Xuân Bắc	11/11/2009	Nam	11B2	Tin
1	12000001	Hoàng Bảo An	23/07/2007	Nam	12C9	Địa
2	12000002	Nguyễn Văn An	01/02/2007	Nam	12C11	Địa
3	12000003	Phạm Thúy An	10/08/2008	Nữ	12C7	Địa
4	12000004	Đỗ Vũ Trâm Anh	12/06/2008	Nữ	12C8	Địa
5	12000005	Nguyễn Thị Kim Anh	01/01/2008	Nữ	12C7	Địa
6	12000006	Nguyễn Vân Anh	28/06/2008	Nữ	12C8	Địa
7	12000007	Nguyễn Ý Anh	15/01/2008	Nữ	12C11	Địa
8	12000010	Bùi Hoàng My Ân	30/07/2008	Nữ	12C9	Địa
9	12000011	Trần Phạm Bảo Ân	03/06/2008	Nữ	12C6	Địa
10	12000015	Dương Chan Bin	14/01/2008	Nam	12C10	Địa
11	12000016	Võ Duy Bin	18/04/2008	Nam	12C10	Địa
12	12000017	Châu Phước Bình	21/10/2008	Nam	12C6	Địa

Đông Sơn, ngày 4 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 02

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000013	Võ Thị Hoài Anh	11/05/2010	Nữ	10A6	Vật lí
2	10000014	Lý Gia Bảo	22/11/2010	Nam	10A1	Vật lí
3	10000016	Võ Xuân Bắc	16/01/2010	Nam	10A4	Vật lí
4	10000017	Vũ Hoàng Bin	02/06/2010	Nam	10A9	Vật lí
5	10000018	Đồng Thanh Bình	05/01/2010	Nam	10A6	Vật lí
6	10000019	Phạm Duy Bình	03/09/2010	Nam	10A4	Vật lí
7	10000020	Bùi Thị Lệ Cẩm	11/04/2010	Nữ	10A6	Vật lí
8	10000021	Trần Hoàng Châu	22/06/2010	Nữ	10A2	Vật lí
9	10000022	Phạm Hoàng Kim Chung	17/04/2010	Nữ	10A2	Vật lí
10	10000023	Hà Thanh Chương	24/11/2010	Nam	10A3	Vật lí
11	10000024	Ngô Văn Chương	15/10/2010	Nam	10A7	Vật lí
12	10000025	Tiêu Viết Chương	04/05/2010	Nam	10A6	Vật lí
1	11000021	Phạm Văn Ca	01/10/2009	Nam	11B7	Tin
2	11000023	Đỗ Minh Châu	11/05/2009	Nữ	11B3	Tin
3	11000024	Nguyễn Đỗ Thanh Châu	20/03/2009	Nữ	11B7	Tin
4	11000025	Nguyễn Thị Diệu Châu	09/09/2009	Nữ	11B1	Tin
5	11000026	Nguyễn Thị Kim Châu	30/05/2009	Nữ	11B1	Tin
6	11000027	Bùi Thị Kim Chi	11/07/2009	Nữ	11B6	Tin
7	11000028	Đỗ Thị Thùy Chi	12/09/2009	Nữ	11B4	Tin
8	11000029	Phạm Nguyễn Tùng Chi	27/03/2009	Nữ	11B7	Tin
9	11000030	Phạm Thùy Chi	06/06/2009	Nữ	11B1	Tin
10	11000031	Bùi Đức Chí	21/10/2009	Nam	11B2	Tin
11	11000033	Võ Trường Chinh	26/10/2009	Nam	11B7	Tin
12	11000035	Nguyễn Thành Chương	02/03/2009	Nam	11B2	Tin
1	12000019	Trương Công Chánh	01/07/2008	Nam	12C11	Địa
2	12000020	Nguyễn Hồng Châu	14/01/2008	Nữ	12C7	Địa
3	12000022	Nguyễn Thị Kim Chi	28/05/2008	Nữ	12C9	Địa
4	12000023	Trương Thị Mỹ Chi	19/02/2008	Nữ	12C10	Địa
5	12000024	Võ Thị Lệ Chi	01/05/2008	Nữ	12C6	Địa
6	12000028	Võ Hữu Chiến	05/10/2008	Nam	12C6	Địa
7	12000031	Nguyễn Việt Cường	08/07/2008	Nam	12C9	Địa
8	12000033	Bùi Quang Danh	27/08/2008	Nam	12C9	Địa
9	12000034	Hồ Ngọc Diễm	07/12/2008	Nữ	12C10	Địa
10	12000035	Trần Thị Hồng Diễm	27/03/2008	Nữ	12C10	Địa
11	12000038	Lê Viết Diệp	25/02/2008	Nữ	12C6	Địa
12	12000040	Nguyễn Ngọc Diệu	27/09/2008	Nữ	12C7	Địa

Đông Sơn, ngày 4 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 03

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000026	Phạm Trần Đình Cư	26/03/2010	Nam	10A8	Vật lí
2	10000027	Ngô Thanh Cường	15/05/2010	Nam	10A1	Vật lí
3	10000028	Tô Xuân Cường	19/01/2010	Nam	10A4	Vật lí
4	10000029	Trịnh Phạm Quan Cường	25/04/2010	Nam	10A9	Vật lí
5	10000031	Bùi Nguyễn Gia Di	16/05/2010	Nữ	10A8	Vật lí
6	10000032	Phù Thị Hồng Diễm	30/08/2010	Nữ	10A9	Vật lí
7	10000033	Võ Lâm Hoàng Diệp	12/04/2010	Nữ	10A4	Vật lí
8	10000034	Đinh Phạm Thùy Dung	08/03/2010	Nữ	10A8	Vật lí
9	10000035	Lưu Thị Thùy Dung	26/01/2010	Nữ	10A6	Vật lí
10	10000036	Trịnh Nguyễn Kim Dung	11/02/2010	Nữ	10A2	Vật lí
11	10000037	Ứng Thị Thùy Dung	24/07/2010	Nữ	10A7	Vật lí
12	10000038	Lê Minh Dũng	28/06/2010	Nam	10A4	Vật lí
1	11000036	Trần Văn Công	25/02/2009	Nam	11B4	Tin
2	11000037	Võ Thành Công	10/06/2009	Nam	11B12	Tin
3	11000038	Lê Văn Danh	18/09/2009	Nam	11B6	Tin
4	11000039	Nguyễn Đăng Thành Danh	06/09/2009	Nam	11B1	Tin
5	11000041	Lê Ngọc Diễm	30/09/2009	Nữ	11B7	Tin
6	11000043	Trương Lê Phương Diễm	25/07/2008	Nữ	11B7	Tin
7	11000044	Vũ Thị Ái Diễm	01/10/2009	Nữ	11B2	Tin
8	11000045	Nguyễn Thị Xuân Diệu	20/12/2009	Nữ	11B5	Tin
9	11000046	Võ Nguyễn Lâm Doãn	21/12/2009	Nam	11B7	Tin
10	11000047	Tiêu Tuấn Du	16/03/2009	Nam	11B4	Tin
11	11000048	Nguyễn Tiến Dũng	22/06/2009	Nam	11B12	Tin
12	11000049	Phạm Bá Duy	08/06/2009	Nam	11B1	Tin
1	12000041	Phạm Thị Huyền Diệu	10/09/2008	Nữ	12C7	Địa
2	12000042	Nguyễn Thị Thùy Dung	22/11/2008	Nữ	12C6	Địa
3	12000045	Huỳnh Hải Duy	17/02/2008	Nam	12C10	Địa
4	12000047	Nguyễn Ái Phi Duy	04/01/2008	Nam	12C9	Địa
5	12000048	Nguyễn Tấn Vũ Duy	23/12/2007	Nam	12C7	Địa
6	12000051	Đặng Thùy Duyên	24/05/2008	Nữ	12C8	Địa
7	12000052	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	18/07/2008	Nữ	12C9	Địa
8	12000053	Trần Thị Mỹ Duyên	27/02/2008	Nữ	12C6	Địa
9	12000056	Lê Văn Đạt	02/07/2008	Nam	12C8	Địa
10	12000058	Nguyễn Tấn Đạt	09/06/2008	Nam	12C6	Địa
11	12000059	Phạm Đăng Thành Đạt	31/10/2008	Nam	12C11	Địa
12	12000061	Ngô Văn Diễm	25/10/2008	Nam	12C11	Địa

Đông Sơn, ngày 4 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 04

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000039	Nguyễn Thanh Dũng	22/08/2010	Nam	10A1	Vật lí
2	10000041	Đinh Ngọc Duy	11/01/2010	Nam	10A3	Vật lí
3	10000042	Trần Mỹ Duyên	14/06/2010	Nữ	10A9	Vật lí
4	10000043	Huỳnh Hồ Công Dương	12/01/2010	Nam	10A3	Vật lí
5	10000044	Nguyễn Ngọc Khánh Đan	04/09/2010	Nữ	10A6	Vật lí
6	10000045	Bùi Tấn Đạt	06/03/2010	Nam	10A8	Vật lí
7	10000046	Nguyễn Văn Thành Đạt	07/03/2010	Nam	10A7	Vật lí
8	10000047	Phạm Tấn Đạt	29/04/2010	Nam	10A3	Vật lí
9	10000048	Trương Hữu Đạt	28/06/2010	Nam	10A3	Vật lí
10	10000049	Võ Tuấn Đạt	22/11/2010	Nam	10A3	Vật lí
11	10000050	Trương Quang Đệ	20/10/2010	Nam	10A3	Vật lí
12	10000051	Nguyễn Tấn Quang Đức	27/03/2010	Nam	10A9	Vật lí
1	11000050	Trương Quốc Duy	26/03/2009	Nam	11B2	Tin
2	11000058	Trần Mỹ Duyên	02/03/2009	Nữ	11B4	Tin
3	11000059	Nguyễn Minh Dương	10/06/2009	Nam	11B2	Tin
4	11000061	Trần Thị Ngọc Dương	04/01/2009	Nữ	11B3	Tin
5	11000063	Trịnh Quốc Đại	28/03/2009	Nam	11B4	Tin
6	11000065	Nguyễn Kim Đan	27/09/2009	Nữ	11B3	Tin
7	11000066	Nguyễn Thị Minh Hoài Đan	29/01/2009	Nữ	11B1	Tin
8	11000067	Đặng Xuân Đạt	11/07/2009	Nam	11B6	Tin
9	11000068	Nguyễn Tấn Đạt	14/07/2009	Nam	11B7	Tin
10	11000070	Ngô Anh Đức	06/12/2009	Nam	11B4	Tin
11	11000071	Nguyễn Hồ Huỳnh Đức	29/05/2009	Nam	11B3	Tin
12	11000074	Dương Nguyễn Hương Giang	30/05/2009	Nữ	11B6	Tin
1	12000062	Nguyễn Ngọc Điệp	25/01/2008	Nam	12C11	Địa
2	12000063	Phạm Thị Điệp	04/03/2008	Nữ	12C7	Địa
3	12000070	Nguyễn Thị Hương Giang	17/02/2008	Nữ	12C11	Địa
4	12000071	Nguyễn Trần Trà Giang	24/12/2008	Nữ	12C11	Địa
5	12000073	Đồng Thị Thanh Hà	30/05/2008	Nữ	12C8	Địa
6	12000075	Nguyễn Thị Ngọc Hà	18/05/2008	Nữ	12C10	Địa
7	12000077	Nguyễn Thị Thúy Hà	25/12/2008	Nữ	12C7	Địa
8	12000078	Võ Thị Kim Hà	03/05/2008	Nữ	12C6	Địa
9	12000080	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	18/01/2008	Nữ	12C9	Địa
10	12000083	Phan Thị Hằng	30/04/2008	Nữ	12C9	Địa
11	12000084	Phù Thị Lệ Hằng	10/10/2008	Nữ	12C11	Địa
12	12000087	Võ Trương Thị Gia Hân	16/05/2008	Nữ	12C8	Địa

Đông Sơn, ngày 4 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NGÃI

TRƯỜNG THCS VÀ THPT VAN TUỜNG

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 05

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000052	Đỗ Hồng Gấm	25/10/2010	Nữ	10A7	Vật lí
2	10000053	Đặng Phạm Quốc Gia	07/03/2010	Nam	10A7	Vật lí
3	10000054	Đỗ Thị Tiên Giang	28/06/2010	Nữ	10A8	Vật lí
4	10000055	Hà Bảo Giang	04/12/2010	Nữ	10A6	Vật lí
5	10000056	Trương Văn Hải	27/04/2010	Nam	10A1	Vật lí
6	10000057	Nguyễn Hồng Hạnh	06/09/2010	Nữ	10A9	Vật lí
7	10000058	Nguyễn Hồng Hạnh	17/05/2010	Nữ	10A7	Vật lí
8	10000059	Dương Gia Hạo	01/07/2010	Nam	10A1	Vật lí
9	10000060	Bùi Thị Như Hằng	13/01/2010	Nữ	10A8	Vật lí
10	10000061	Phạm Phương Hằng	24/03/2010	Nữ	10A6	Vật lí
11	10000063	Dương Thị Kim Hân	09/07/2010	Nữ	10A6	Vật lí
12	10000064	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	10/06/2010	Nữ	10A9	Vật lí
1	11000076	Nguyễn Hiếu Hà	09/11/2009	Nữ	11B1	Tin
2	11000077	Nguyễn Thị Ngọc Hà	23/09/2009	Nữ	11B12	Tin
3	11000078	Trần Võ Như Hà	15/07/2009	Nữ	11B12	Tin
4	11000080	Đồng Thanh Hải	22/02/2009	Nam	11B1	Tin
5	11000081	Lý Hải	19/01/2009	Nam	11B2	Tin
6	11000082	Phạm Minh Hải	29/07/2009	Nam	11B12	Tin
7	11000083	Phạm Trung Hải	22/06/2009	Nam	11B12	Tin
8	11000084	Phạm Thị Hạnh	06/06/2009	Nữ	11B2	Tin
9	11000085	Trần Minh Hào	19/11/2009	Nam	11B1	Tin
10	11000088	Trịnh Thị Thúy Hằng	19/03/2008	Nữ	11B12	Tin
11	11000090	Nguyễn Phạm Bảo Hân	12/01/2009	Nữ	11B6	Tin
12	11000093	Bùi Thị Thu Hiền	02/07/2009	Nữ	11B4	Tin
1	12000088	Đỗ Trung Hậu	06/01/2008	Nam	12C9	Địa
2	12000089	Phan Thị Hậu	24/10/2008	Nữ	12C10	Địa
3	12000092	Mai Thanh Hiếu	07/07/2008	Nữ	12C7	Địa
4	12000095	Võ Vương Anh Hiếu	21/08/2008	Nam	12C8	Địa
5	12000096	Trần Lê Thu Hoài	16/01/2008	Nữ	12C8	Địa
6	12000097	Phạm Quốc Hoàng	22/09/2008	Nam	12C9	Địa
7	12000098	Phù Trung Hoàng	05/04/2008	Nam	12C6	Địa
8	12000099	Nguyễn Hoàng Hoành	04/02/2008	Nữ	12C9	Địa
9	12000100	Trần Đình Hội	09/11/2008	Nam	12C8	Địa
10	12000101	Ngô Thị Kim Hồng	07/10/2008	Nữ	12C9	Địa
11	12000102	Nguyễn Thị Diệu Hồng	02/09/2008	Nữ	12C6	Địa
12	12000106	Lê Thanh Hùng	19/02/2008	Nam	12C9	Địa

Đông Sơn, ngày 4 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 06

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000065	Nguyễn Thị Bảo Hân	19/06/2010	Nữ	10A4	Vật lí
2	10000066	Trương Nguyễn Gia Hân	03/10/2010	Nữ	10A2	Vật lí
3	10000067	Võ Gia Hân	02/12/2010	Nam	10A2	Vật lí
4	10000068	Đỗ Thị Mỹ Hậu	24/04/2010	Nữ	10A7	Vật lí
5	10000070	Bùi Thị Như Hiền	12/09/2010	Nữ	10A8	Vật lí
6	10000071	Huỳnh Thị Hiếu	05/02/2010	Nữ	10A9	Vật lí
7	10000072	Phạm Ngọc Trung Hiếu	14/10/2010	Nam	10A8	Vật lí
8	10000073	Tiêu Việt Hiếu	05/02/2010	Nam	10A1	Vật lí
9	10000074	Bùi Đình Hiệu	10/03/2010	Nam	10A4	Vật lí
10	10000075	Đỗ Thị Kim Hoa	17/03/2010	Nữ	10A7	Vật lí
11	10000078	Phan Thị Như Hoa	14/08/2010	Nữ	10A1	Vật lí
12	10000079	Tô Hiếu Học	22/09/2010	Nam	10A4	Vật lí
1	11000094	Huỳnh Thị Hiền	02/07/2009	Nữ	11B2	Tin
2	11000095	Phạm Thanh Hiền	10/02/2009	Nam	11B1	Tin
3	11000097	Đặng Tấn Hiếu	07/06/2009	Nam	11B2	Tin
4	11000098	Nguyễn Duy Hiếu	04/10/2009	Nam	11B3	Tin
5	11000099	Nguyễn Như Hiếu	04/10/2009	Nữ	11B2	Tin
6	11000101	Phạm Văn Hiếu	27/07/2009	Nam	11B3	Tin
7	11000102	Lê Thị Thúy Hoa	09/04/2009	Nữ	11B3	Tin
8	11000103	Nguyễn Thị Hoa	12/09/2009	Nữ	11B6	Tin
9	11000107	Nguyễn Đức Huy	29/08/2009	Nam	11B3	Tin
10	11000108	Nguyễn Đức Huy	25/12/2009	Nam	11B2	Tin
11	11000109	Nguyễn Thành Huy	30/10/2009	Nam	11B2	Tin
12	11000112	Phan Nguyễn Nhất Huy	26/11/2009	Nam	11B1	Tin
1	12000107	Bùi Nguyễn Chí Huy	02/09/2008	Nam	12C7	Địa
2	12000108	Nguyễn Đoàn Hoàng Huy	01/03/2008	Nam	12C10	Địa
3	12000109	Nguyễn Hữu Huy	15/10/2008	Nam	12C10	Địa
4	12000110	Nguyễn Phạm Gia Huy	07/11/2008	Nam	12C10	Địa
5	12000111	Nguyễn Trung Huy	21/10/2008	Nam	12C11	Địa
6	12000116	Võ Nguyễn Gia Huyền	15/07/2008	Nữ	12C8	Địa
7	12000117	Lê Thị Lê Huyền	16/10/2008	Nữ	12C7	Địa
8	12000118	Nguyễn Cao Trang Huyền	12/11/2008	Nữ	12C8	Địa
9	12000120	Phạm Hoàng Huynh	08/03/2008	Nam	12C11	Địa
10	12000121	Võ Duy Huynh	20/01/2008	Nam	12C9	Địa
11	12000122	Nguyễn Hữu Hưng	21/06/2008	Nam	12C7	Địa
12	12000127	Tạ Thị ái Hương	24/10/2008	Nữ	12C11	Địa

Đông Sơn, ngày 4 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NGÃI

TRƯỜNG THCS VÀ THPT VAN TUÔNG

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 07

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000080	Võ Văn Học	30/03/2010	Nam	10A4	Vật lí
2	10000081	Cao Nguyễn Thúy Hồng	20/09/2009	Nữ	10A1	Vật lí
3	10000082	Bùi Thị Kim Huệ	01/09/2010	Nữ	10A6	Vật lí
4	10000086	Lê Thành Huy	08/10/2010	Nam	10A4	Vật lí
5	10000087	Tiêu Viêt Nguyên Huy	02/05/2010	Nam	10A9	Vật lí
6	10000088	Lê Thị Huyền	13/11/2010	Nữ	10A8	Vật lí
7	10000089	Huỳnh Thị Thúy Huyền	10/12/2010	Nữ	10A2	Vật lí
8	10000090	Lê Thị Huyền	04/04/2010	Nữ	10A1	Vật lí
9	10000091	Nguyễn Khánh Huyền	13/03/2010	Nữ	10A4	Vật lí
10	10000092	Phạm Nguyễn Khánh Huyền	20/07/2010	Nữ	10A6	Vật lí
11	10000093	Phạm Thị Huyền	21/06/2010	Nữ	10A4	Vật lí
12	10000094	Võ Thị Thu Huyền	22/12/2010	Nữ	10A9	Vật lí
1	11000113	Tiêu Quang Huy	12/09/2009	Nam	11B4	Tin
2	11000114	Tiêu Viêt Huy	23/03/2009	Nam	11B6	Tin
3	11000115	Võ Khắc Huy	08/07/2009	Nam	11B12	Tin
4	11000116	Hồ Thị Ngọc Huyền	30/06/2009	Nữ	11B12	Tin
5	11000119	Dương Gia Hưng	22/06/2008	Nam	11B5	Tin
6	11000120	Lê Nguyễn Văn Hưng	22/02/2009	Nam	11B7	Tin
7	11000121	Lê Mạnh Hưởng	13/08/2009	Nam	11B2	Tin
8	11000122	Nguyễn Minh Hữu	07/06/2009	Nam	11B4	Tin
9	11000123	Trịnh Văn Hữu	12/01/2008	Nam	11B6	Tin
10	11000124	Nguyễn Anh Kha	22/09/2009	Nam	11B2	Tin
11	11000125	Nguyễn Công Kha	12/12/2009	Nam	11B3	Tin
12	11000126	Nguyễn Hồng Khải	15/10/2009	Nam	11B1	Tin
1	12000131	Đinh Tuấn Khải	20/10/2008	Nam	12C11	Địa
2	12000133	Nguyễn Đức Khải	06/04/2008	Nam	12C10	Địa
3	12000134	Đặng Huỳnh Anh Khang	12/12/2008	Nam	12C7	Địa
4	12000136	Phạm Duy Khang	21/04/2008	Nam	12C7	Địa
5	12000138	Đỗ Quốc Khánh	02/09/2008	Nam	12C7	Địa
6	12000139	Đỗ Thị Mỹ Khánh	17/01/2007	Nữ	12C11	Địa
7	12000140	Đỗ Trần Khánh	02/06/2008	Nam	12C9	Địa
8	12000142	Lê Thị Hồng Khiết	08/09/2008	Nữ	12C9	Địa
9	12000143	Bùi Lâm Khoa	22/02/2008	Nam	12C10	Địa
10	12000144	Nguyễn Đặng Anh Khoa	07/06/2008	Nam	12C11	Địa
11	12000151	Nguyễn Thị Xuân Khuyên	29/09/2008	Nữ	12C7	Địa
12	12000153	Đỗ Anh Kiệt	07/10/2008	Nam	12C11	Địa

Đông Sơn, ngày 4 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 08

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000095	Huỳnh Đăng Hưng	20/02/2010	Nam	10A3	Vật lí
2	10000096	Lê Văn Quốc Hưng	25/07/2010	Nam	10A4	Vật lí
3	10000097	Phạm Tuấn Hưng	15/06/2010	Nam	10A3	Vật lí
4	10000098	Lê Trương Thanh Hương	29/11/2010	Nữ	10A4	Vật lí
5	10000099	Nguyễn Lan Hương	08/01/2010	Nữ	10A7	Vật lí
6	10000100	Võ Thị Kim Hương	21/11/2010	Nữ	10A8	Vật lí
7	10000101	Nguyễn Hữu	20/04/2010	Nam	10A4	Vật lí
8	10000102	Nguyễn Thanh Hy	01/02/2010	Nữ	10A2	Vật lí
9	10000103	Đặng Thành Kha	08/10/2010	Nam	10A2	Vật lí
10	10000105	Nguyễn Kha	02/08/2009	Nam	10A3	Vật lí
11	10000106	Đỗ Nguyên Văn Khải	07/05/2010	Nam	10A3	Vật lí
12	10000107	Nguyễn Văn Khải	22/01/2010	Nam	10A7	Vật lí
1	11000127	Nguyễn Xuân Khải	13/01/2009	Nam	11B3	Tin
2	11000128	Lê Quang Khang	30/12/2009	Nam	11B5	Tin
3	11000130	Nguyễn Tấn Khang	05/02/2009	Nam	11B4	Tin
4	11000132	Nguyễn Vũ Khang	01/08/2008	Nam	11B4	Tin
5	11000133	Lê Bùi Thục Khanh	10/01/2009	Nữ	11B1	Tin
6	11000136	Nguyễn Hiếu Khánh	19/12/2009	Nữ	11B6	Tin
7	11000138	Vũ Hoàng Quốc Khánh	17/08/2009	Nam	11B3	Tin
8	11000140	Đỗ Đăng Khoa	18/04/2009	Nam	11B12	Tin
9	11000141	Nguyễn Bá Khoa	13/09/2009	Nam	11B3	Tin
10	11000142	Nguyễn Cao Khoa	17/03/2009	Nam	11B5	Tin
11	11000144	Nguyễn Đăng Khoa	12/07/2009	Nam	11B2	Tin
12	11000145	Võ Anh Khoa	17/03/2009	Nữ	11B7	Tin
1	12000155	Trần Đình Kiệt	03/11/2008	Nam	12C9	Địa
2	12000156	Trần Võ Anh Kiệt	16/10/2007	Nam	12C7	Địa
3	12000157	Trịnh Anh Kiệt	11/11/2008	Nam	12C9	Địa
4	12000159	Võ Thị Kiều	17/06/2008	Nữ	12C11	Địa
5	12000160	Huỳnh Lê Kin	25/06/2008	Nam	12C8	Địa
6	12000162	Phạm Thị Ngọc Lan	15/10/2008	Nữ	12C6	Địa
7	12000163	Bùi Trọng Lâm	24/08/2008	Nam	12C9	Địa
8	12000166	Lê Thị Kim Liên	20/10/2008	Nữ	12C9	Địa
9	12000167	Võ Thị Liễu	27/12/2008	Nữ	12C9	Địa
10	12000168	Bùi Thị Thùy Linh	09/03/2008	Nữ	12C11	Địa
11	12000169	Lê Thị Kim Linh	02/11/2008	Nữ	12C7	Địa
12	12000171	Nguyễn Ngọc ánh Linh	11/07/2008	Nữ	12C10	Địa

Đông Sơn, ngày 4 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000108	Bùi An Khang	16/08/2010	Nam	10A3	Vật lí
2	10000109	Bùi Hữu Khanh	29/04/2010	Nam	10A4	Vật lí
3	10000110	Đỗ Chí Khánh	22/08/2010	Nam	10A8	Vật lí
4	10000111	Phùng Thanh Khiêm	24/10/2010	Nam	10A4	Vật lí
5	10000113	Võ Anh Khoa	22/07/2010	Nam	10A2	Vật lí
6	10000115	Nguyễn Đình Bá Khôi	27/11/2010	Nam	10A7	Vật lí
7	10000116	Nguyễn Minh Khôi	02/07/2010	Nam	10A4	Vật lí
8	10000117	Nguyễn Văn Khôi	16/03/2010	Nam	10A2	Vật lí
9	10000118	Nguyễn Văn Khôi	18/10/2010	Nam	10A4	Vật lí
10	10000119	Võ Huỳnh Minh Khôi	09/06/2010	Nam	10A9	Vật lí
11	10000121	Võ Thị Diễm Kiều	20/01/2010	Nữ	10A6	Vật lí
12	10000122	Trần Hoàng Kim	22/06/2010	Nữ	10A2	Vật lí
1	11000146	Phan Tấn Khôi	17/11/2009	Nam	11B3	Tin
2	11000149	Nguyễn Bảo Khuyên	20/08/2009	Nữ	11B2	Tin
3	11000150	Nguyễn Đức Kiên	01/01/2009	Nam	11B1	Tin
4	11000151	Nguyễn Thị Hiếu Kiên	08/05/2009	Nữ	11B6	Tin
5	11000152	Phù Trung Kiên	04/05/2009	Nam	11B2	Tin
6	11000153	Đoàn Võ Duy Kiệt	21/06/2009	Nam	11B3	Tin
7	11000154	Đỗ Phan Kiệt	25/12/2009	Nam	11B5	Tin
8	11000156	Võ Duy Kiệt	14/09/2009	Nam	11B3	Tin
9	11000157	Võ Hoàng Kiệt	16/01/2009	Nam	11B2	Tin
10	11000159	Nguyễn Tấn Kính	29/03/2008	Nam	11B4	Tin
11	11000160	Nguyễn Bá Kỳ	18/09/2009	Nam	11B12	Tin
12	11000162	Nguyễn Đức Bảo Lâm	29/04/2009	Nam	11B4	Tin
1	12000172	Nguyễn Ngọc Hà Linh	03/07/2008	Nữ	12C7	Địa
2	12000173	Võ Duy Linh	12/03/2008	Nam	12C7	Địa
3	12000175	Nguyễn Thị Ngọc Loan	09/08/2008	Nữ	12C11	Địa
4	12000176	Võ Phước Lộc	05/11/2008	Nam	12C9	Địa
5	12000177	Hồ Dương Luân	30/08/2008	Nam	12C7	Địa
6	12000179	Bùi Huyền Thảo Ly	15/07/2008	Nữ	12C6	Địa
7	12000180	Đỗ Thị Ly	27/04/2008	Nữ	12C6	Địa
8	12000184	Bùi Võ Triết Lý	21/05/2008	Nữ	12C10	Địa
9	12000185	Đỗ Hữu Lý	04/12/2008	Nam	12C11	Địa
10	12000187	Trần Đức Mạnh	14/12/2007	Nam	12C10	Địa
11	12000189	Nguyễn Thanh Bình Minh	24/06/2008	Nam	12C10	Địa
12	12000190	Nguyễn Thị Hồng Minh	20/07/2008	Nữ	12C8	Địa

Đông Sơn, ngày 4 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG**Ngô Ngọc Lâm**

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 10

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000123	Nguyễn Hoàng Lai	24/04/2010	Nữ	10A1	Vật lí
2	10000125	Nguyễn Thị Linh	14/02/2010	Nữ	10A7	Vật lí
3	10000126	Nguyễn Thùy Linh	26/02/2010	Nữ	10A9	Vật lí
4	10000127	Võ Tấn Linh	05/10/2010	Nam	10A2	Vật lí
5	10000129	Võ Nữ Tiểu Long	19/04/2010	Nữ	10A4	Vật lí
6	10000130	Bùi Thị Mỹ Lộc	26/04/2010	Nữ	10A8	Vật lí
7	10000131	Nguyễn Thành Luân	05/02/2010	Nam	10A3	Vật lí
8	10000132	Bùi Thị Ly	27/05/2010	Nữ	10A9	Vật lí
9	10000133	Nguyễn Phạm Trúc Ly	04/05/2010	Nữ	10A7	Vật lí
10	10000135	Dương Nguyễn Hà Mi	20/05/2010	Nữ	10A8	Vật lí
11	10000136	Đoàn Lê Bình Minh	03/05/2010	Nữ	10A2	Vật lí
12	10000137	Nguyễn Trần Bình Minh	20/10/2010	Nam	10A6	Vật lí
1	11000163	Vũ Hoài Gia Lê	03/10/2009	Nữ	11B3	Tin
2	11000167	Trịnh Hoài Linh	09/04/2009	Nam	11B2	Tin
3	11000168	Trương Dương Thùy Linh	30/08/2009	Nữ	11B5	Tin
4	11000170	Võ Thị Mỹ Linh	14/03/2009	Nữ	11B1	Tin
5	11000172	Võ Hoàng Long	29/07/2009	Nam	11B4	Tin
6	11000173	Trần Tấn Long	25/09/2008	Nam	11B3	Tin
7	11000174	Lê Trung Luân	08/12/2009	Nam	11B3	Tin
8	11000175	Thới Văn Luân	17/04/2009	Nam	11B3	Tin
9	11000176	Võ Đức Lưu	19/10/2009	Nam	11B2	Tin
10	11000177	Đàm Thị Khánh Ly	03/11/2009	Nữ	11B6	Tin
11	11000178	Nguyễn Gia Ly	11/12/2009	Nữ	11B12	Tin
12	11000179	Trần Thị Kim Ly	24/04/2008	Nữ	11B7	Tin
1	12000191	Tiêu Thị Tuyết Minh	12/01/2008	Nữ	12C6	Địa
2	12000192	Võ Lê Cao Minh	01/05/2008	Nam	12C7	Địa
3	12000193	Phan Thị Mụi	30/04/2008	Nữ	12C9	Địa
4	12000194	Phạm Dương Tiểu Muội	10/09/2008	Nữ	12C10	Địa
5	12000195	Bùi Diệu My	27/09/2008	Nữ	12C7	Địa
6	12000198	Phạm Kiều My	06/04/2008	Nữ	12C8	Địa
7	12000199	Phạm Thị Thúy My	14/04/2008	Nữ	12C6	Địa
8	12000200	Quảng Thị My	31/07/2008	Nữ	12C8	Địa
9	12000201	Thới Thị Hoài My	13/03/2008	Nữ	12C8	Địa
10	12000202	Võ Hoài My	11/07/2008	Nữ	12C9	Địa
11	12000203	Bùi Thị Na Na	03/09/2008	Nữ	12C11	Địa
12	12000204	Đỗ Thị Na Na	31/05/2007	Nữ	12C11	Địa

Đông Sơn, ngày 4 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 11

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000138	Trần Quang Minh	30/03/2010	Nam	10A2	Vật lí
2	10000139	Đặng Nguyễn Trà My	18/05/2010	Nữ	10A8	Vật lí
3	10000140	Đỗ Thị Trà My	11/08/2010	Nữ	10A6	Vật lí
4	10000141	Lê Thị Khả My	24/03/2010	Nữ	10A9	Vật lí
5	10000143	Phạm Thị Huỳnh My	27/02/2010	Nữ	10A7	Vật lí
6	10000145	Trương Thị Hiền My	28/07/2010	Nữ	10A1	Vật lí
7	10000146	Võ Thị Kiều My	22/08/2010	Nữ	10A9	Vật lí
8	10000147	Huỳnh Thị Hoàn Mỹ	21/07/2010	Nữ	10A8	Vật lí
9	10000148	Phan Thị Thu Mỹ	25/01/2010	Nữ	10A7	Vật lí
10	10000149	Phan Thị Thu My	25/01/2010	Nữ	10A7	Vật lí
11	10000150	Đỗ Thị Vi Na	19/06/2010	Nữ	10A2	Vật lí
12	10000152	Nguyễn Thị Ry Na	10/05/2010	Nữ	10A9	Vật lí
1	11000180	Trần Thị Yên Ly	22/06/2009	Nữ	11B4	Tin
2	11000183	Võ Thị Cẩm Ly	20/12/2009	Nữ	11B5	Tin
3	11000184	Nguyễn Duy Mạnh	08/06/2009	Nam	11B12	Tin
4	11000186	Trần Nhất Mao	06/11/2009	Nam	11B3	Tin
5	11000187	Hồ Văn Minh	31/05/2009	Nam	11B4	Tin
6	11000188	Lê Nguyễn Bình Minh	07/05/2009	Nam	11B1	Tin
7	11000189	Phạm Ngọc Minh	06/08/2009	Nam	11B7	Tin
8	11000191	Nguyễn Thị Diễm My	30/03/2009	Nữ	11B12	Tin
9	11000192	Nguyễn Thị Kiều My	06/10/2009	Nữ	11B2	Tin
10	11000193	Võ Nguyễn Tường My	14/10/2009	Nữ	11B7	Tin
11	11000194	Võ Vy Hà My	09/06/2009	Nữ	11B7	Tin
12	11000195	Nguyễn Thị Mỹ	13/03/2009	Nữ	11B3	Tin
1	12000205	Nhan Thị Ly Na	05/01/2008	Nữ	12C8	Địa
2	12000206	Phan Lê Ni Na	18/10/2008	Nữ	12C8	Địa
3	12000207	Đỗ Hồng Nam	02/12/2008	Nam	12C11	Địa
4	12000208	Nguyễn Bảo Nam	24/09/2008	Nam	12C10	Địa
5	12000209	Nguyễn Hoài Nam	28/04/2008	Nam	12C6	Địa
6	12000213	Nguyễn Thị Ngà	07/05/2008	Nữ	12C10	Địa
7	12000214	Bùi Thị Bích Ngân	02/09/2008	Nữ	12C11	Địa
8	12000215	Bùi Thị Kim Ngân	06/05/2008	Nữ	12C8	Địa
9	12000216	Bùi Thị Thanh Ngân	06/02/2008	Nữ	12C6	Địa
10	12000218	Lê Nguyệt Ngân	24/01/2008	Nữ	12C9	Địa
11	12000219	Nguyễn Thị Ngân	09/10/2008	Nữ	12C8	Địa
12	12000221	Nguyễn Thùy Ngân	09/08/2008	Nữ	12C10	Địa

Đông Sơn, ngày 4 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 12

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000153	Phạm Thị Ngọc Na	27/06/2010	Nữ	10A8	Vật lí
2	10000154	Tiêu Thị Vi Na	15/07/2010	Nữ	10A7	Vật lí
3	10000155	Trần Võ A Na	08/09/2010	Nữ	10A8	Vật lí
4	10000156	Nguyễn Nhật Nam	19/11/2010	Nam	10A3	Vật lí
5	10000157	Phan Nguyễn Bảo Nam	20/01/2010	Nam	10A8	Vật lí
6	10000159	Bùi Thị Thanh Ngân	11/12/2010	Nữ	10A1	Vật lí
7	10000160	Nguyễn Kim Ngân	30/07/2010	Nữ	10A9	Vật lí
8	10000162	Trần Bảo Ngân	16/03/2010	Nữ	10A6	Vật lí
9	10000163	Trần Thị Kim Ngân	21/09/2010	Nữ	10A6	Vật lí
10	10000164	Trương Thị Mỹ Ngân	23/09/2010	Nữ	10A4	Vật lí
11	10000165	Võ Kim Phú Ngân	29/09/2010	Nữ	10A6	Vật lí
12	10000166	Võ Thị Kim Ngân	17/06/2010	Nữ	10A2	Vật lí
1	11000197	Nguyễn Thị Ly Na	24/06/2009	Nữ	11B7	Tin
2	11000199	Võ Thị Mi Na	17/05/2009	Nữ	11B6	Tin
3	11000200	Vương Trần Tấn Nam	22/01/2009	Nam	11B2	Tin
4	11000202	Trương Thị Thúy Nga	19/04/2009	Nữ	11B1	Tin
5	11000203	Phạm Nguyễn Thanh Ngà	31/10/2009	Nữ	11B5	Tin
6	11000204	Đinh Ngọc Ngân	11/11/2009	Nữ	11B5	Tin
7	11000205	Hồ Thị Thuý Ngân	10/08/2009	Nữ	11B5	Tin
8	11000208	Nguyễn Thị Kim Ngân	14/11/2009	Nữ	11B7	Tin
9	11000209	Nguyễn Thị Thu Ngân	08/02/2009	Nữ	11B6	Tin
10	11000211	Phạm Thu Ngân	08/11/2009	Nữ	11B4	Tin
11	11000214	Võ Thị Tuyết Ngân	18/06/2009	Nữ	11B6	Tin
12	11000216	Võ Phạm Phương Nghi	25/08/2009	Nữ	11B12	Tin
1	12000222	Phạm Thái Ngân	05/05/2008	Nữ	12C6	Địa
2	12000226	Trần Thị Phương Ngân	03/08/2008	Nữ	12C7	Địa
3	12000227	Võ Nguyễn Kim Ngân	15/12/2008	Nữ	12C10	Địa
4	12000228	Phạm Thị Hoàng Nghi	05/11/2008	Nữ	12C10	Địa
5	12000229	Phù Trung Nghĩa	22/05/2008	Nam	12C10	Địa
6	12000232	Tiêu Thị Thúy Ngọc	21/11/2008	Nữ	12C7	Địa
7	12000236	Võ Minh Tây Nguyên	14/12/2007	Nam	12C8	Địa
8	12000238	Ngô Thị Như Nguyệt	01/11/2008	Nữ	12C6	Địa
9	12000240	Phan Thị Thanh Nhân	12/04/2008	Nữ	12C8	Địa
10	12000242	Nguyễn Trương Duy Nhất	10/11/2008	Nam	12C7	Địa
11	12000244	Nguyễn Hoàng Long Nhật	07/07/2008	Nam	12C11	Địa
12	12000245	Lê Nguyễn Khả Nhi	01/05/2008	Nữ	12C7	Địa

Đông Sơn, ngày 4 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 13

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000167	Yêu Thanh Ngân	12/07/2010	Nữ	10A7	Vật lí
2	10000168	Bùi Thị Kim Nghi	18/09/2010	Nữ	10A3	Vật lí
3	10000169	Võ Hoài Ngọc Nghi	07/11/2010	Nữ	10A6	Vật lí
4	10000170	Bùi Hữu Nghi	22/01/2010	Nam	10A6	Vật lí
5	10000171	Nguyễn Văn Nghĩa	08/08/2010	Nam	10A9	Vật lí
6	10000173	Nguyễn Thiên Ngọc	19/04/2010	Nữ	10A6	Vật lí
7	10000174	Võ Bảo Ngọc	08/06/2010	Nữ	10A1	Vật lí
8	10000175	Huỳnh Thảo Nguyên	29/03/2010	Nữ	10A1	Vật lí
9	10000176	Nguyễn Hạnh Nguyên	20/09/2010	Nữ	10A2	Vật lí
10	10000177	Nguyễn Trọng Nguyên	09/10/2009	Nam	10A7	Vật lí
11	10000178	Tiêu Thị Thảo Nguyên	05/12/2010	Nữ	10A8	Vật lí
12	10000179	Tạ Thị Thanh Nhân	06/01/2010	Nữ	10A9	Vật lí
1	11000217	Võ Thị Thúy Nghi	16/09/2009	Nữ	11B12	Tin
2	11000218	Huỳnh Minh Nghiêm	11/05/2009	Nam	11B4	Tin
3	11000219	Bùi Thị Như Ngọc	23/12/2009	Nữ	11B2	Tin
4	11000222	Lý Ngô Bảo Ngọc	26/09/2009	Nữ	11B7	Tin
5	11000224	Nguyễn Tiến Ngọc	23/08/2009	Nam	11B5	Tin
6	11000226	Phan Thùy Ngọc	22/02/2009	Nữ	11B1	Tin
7	11000227	Phù Thị Ngọc	13/03/2009	Nữ	11B7	Tin
8	11000229	Nguyễn Duy Nguyên	04/04/2009	Nam	11B4	Tin
9	11000233	Võ Trịnh Như Nguyệt	04/01/2009	Nữ	11B6	Tin
10	11000234	Tiêu Viêt Nhã	22/09/2009	Nam	11B2	Tin
11	11000235	Nguyễn Thị Thanh Nhân	06/01/2009	Nữ	11B7	Tin
12	11000237	Phạm Văn Nhân	25/01/2009	Nam	11B3	Tin
1	12000247	Trương Thị Yên Nhi	02/09/2008	Nữ	12C10	Địa
2	12000249	Nguyễn Hồng Nhiên	29/08/2008	Nam	12C11	Địa
3	12000250	Nguyễn Thị Thùy Nhiên	23/04/2008	Nữ	12C6	Địa
4	12000253	Cao Nguyễn Quỳnh Như	06/02/2008	Nữ	12C6	Địa
5	12000254	Đinh Hạnh Minh Như	12/11/2008	Nữ	12C8	Địa
6	12000257	Lý Thị Huỳnh Như	21/08/2008	Nữ	12C6	Địa
7	12000258	Nguyễn Thị Hồng Như	13/08/2008	Nữ	12C9	Địa
8	12000259	Nguyễn Thị Quỳnh Như	08/10/2008	Nữ	12C10	Địa
9	12000260	Phạm Nguyễn Quỳnh Như	02/10/2008	Nữ	12C8	Địa
10	12000261	Trương Gia Như	10/11/2008	Nữ	12C9	Địa
11	12000262	Tu Lê Lâm Như	14/07/2008	Nữ	12C6	Địa
12	12000264	Võ Thị Quỳnh Như	17/07/2008	Nữ	12C8	Địa

Đông Sơn, ngày 4 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 14

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000180	Nguyễn Thành Nhân	09/06/2010	Nam	10A2	Vật lí
2	10000181	Nguyễn Viết Nhân	23/06/2010	Nam	10A4	Vật lí
3	10000183	Lê Văn Nhật	28/05/2010	Nam	10A9	Vật lí
4	10000184	Nguyễn Đỗ Thành Nhật	07/01/2010	Nam	10A8	Vật lí
5	10000185	Phạm Tân Nhật	04/07/2010	Nam	10A1	Vật lí
6	10000186	Võ Tuấn Nhật	27/06/2010	Nam	10A1	Vật lí
7	10000187	Bùi Thị Yến Nhi	26/04/2010	Nữ	10A9	Vật lí
8	10000188	Huỳnh Lê Yến Nhi	29/11/2010	Nữ	10A7	Vật lí
9	10000189	Lê Nguyễn Ái Nhi	01/12/2010	Nữ	10A2	Vật lí
10	10000190	Nguyễn Thị Yến Nhi	07/04/2010	Nữ	10A4	Vật lí
11	10000192	Phạm Nguyễn Yến Nhi	26/02/2010	Nữ	10A2	Vật lí
12	10000193	Phan Thị Yến Nhi	19/04/2010	Nữ	10A8	Vật lí
1	11000238	Võ Duy Nhân	05/05/2009	Nam	11B4	Tin
2	11000239	Võ Thiện Nhân	27/04/2009	Nam	11B3	Tin
3	11000241	Trần Quang Đệ Nhật	04/10/2009	Nam	11B4	Tin
4	11000242	Phan Văn Quang Nhật	28/06/2009	Nam	11B5	Tin
5	11000243	Cao Nguyễn Tú Nhi	30/04/2008	Nữ	11B6	Tin
6	11000245	Đỗ Phạm Yến Nhi	27/04/2009	Nữ	11B2	Tin
7	11000246	Đỗ Thị Nhi	16/10/2009	Nữ	11B3	Tin
8	11000248	Huỳnh Thị Yến Nhi	15/01/2009	Nữ	11B1	Tin
9	11000250	Mai Phạm Yến Nhi	10/08/2009	Nữ	11B6	Tin
10	11000251	Nguyễn Hồng Yến Nhi	05/11/2009	Nữ	11B5	Tin
11	11000252	Nguyễn Thị Yến Nhi	18/09/2009	Nữ	11B6	Tin
12	11000255	Trần Yến Nhi	09/11/2009	Nữ	11B7	Tin
1	12000265	Nguyễn Thị Thanh Ni	26/07/2008	Nữ	12C6	Địa
2	12000268	Lê Nguyễn Trương Nương	05/12/2008	Nữ	12C8	Địa
3	12000269	Nguyễn Hoàng Phương Oanh	16/05/2008	Nữ	12C8	Địa
4	12000270	Võ Mai Kiều Oanh	24/09/2008	Nữ	12C10	Địa
5	12000272	Phạm Huỳnh Quốc Pháp	28/09/2008	Nam	12C9	Địa
6	12000273	Dương Văn Phát	16/04/2008	Nam	12C10	Địa
7	12000275	Phạm Thị Ngọc Phần	08/06/2008	Nữ	12C9	Địa
8	12000277	Nguyễn Ngọc Phố	20/08/2008	Nam	12C10	Địa
9	12000279	Phạm Lưu Phu	17/11/2008	Nam	12C6	Địa
10	12000281	Bùi Thị Mỹ Phúc	05/10/2008	Nữ	12C10	Địa
11	12000282	Nguyễn Thanh Phúc	23/12/2007	Nam	12C10	Địa
12	12000283	Phạm Ngọc Phúc	09/07/2008	Nam	12C10	Địa

Đông Sơn, ngày 4 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NGÃI

TRƯỜNG THCS VÀ THPT VAN TUỜNG

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 15

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000194	Trần Thị Mỹ Nhiên	24/11/2010	Nữ	10A7	Vật lí
2	10000195	Ao Thị Ý Như	12/05/2010	Nữ	10A8	Vật lí
3	10000197	Đỗ Thị Huỳnh Như	17/05/2010	Nữ	10A6	Vật lí
4	10000200	Huỳnh Thị Bảo Như	24/01/2010	Nữ	10A7	Vật lí
5	10000201	Lê Huỳnh Như	24/02/2010	Nữ	10A9	Vật lí
6	10000202	Nguyễn Phước Bảo Như	22/07/2010	Nữ	10A8	Vật lí
7	10000204	Bùi Thị Bích Nở	23/08/2010	Nữ	10A9	Vật lí
8	10000205	Trần Phan Kiều Oanh	12/07/2010	Nữ	10A6	Vật lí
9	10000206	Nguyễn Tấn Phát	02/12/2009	Nam	10A4	Vật lí
10	10000207	Tiêu Minh Phát	24/02/2010	Nam	10A7	Vật lí
11	10000208	Bùi Ngọc Gia Phúc	01/03/2010	Nam	10A9	Vật lí
12	10000209	Đinh Xuân Phúc	24/02/2010	Nam	10A1	Vật lí
1	11000257	Nguyễn Thị An Nhiên	25/10/2009	Nữ	11B4	Tin
2	11000259	Võ Thị Ý Nhiên	19/11/2009	Nữ	11B1	Tin
3	11000260	Nguyễn Thị Kiều Nhung	09/05/2009	Nữ	11B5	Tin
4	11000261	Nguyễn Thị Thúy Nhung	08/05/2009	Nữ	11B6	Tin
5	11000262	Trương Thị Yến Nhung	04/02/2009	Nữ	11B5	Tin
6	11000265	Nguyễn Thị Quỳnh Như	26/09/2009	Nữ	11B6	Tin
7	11000266	Nguyễn Thị Tịnh Như	17/12/2009	Nữ	11B7	Tin
8	11000267	Phạm Thị Quỳnh Như	21/08/2009	Nữ	11B5	Tin
9	11000268	Phan Thị Quỳnh Như	26/05/2009	Nữ	11B7	Tin
10	11000269	Trương Phạm Tâm Như	07/10/2009	Nữ	11B1	Tin
11	11000270	Nguyễn Thúy Ni	25/04/2009	Nữ	11B7	Tin
12	11000272	Đặng Thị Nữ	27/07/2009	Nữ	11B2	Tin
1	12000284	Phạm Văn Phúc	14/07/2008	Nam	12C10	Địa
2	12000287	Phạm Thị Hoàng Phương	14/04/2008	Nữ	12C9	Địa
3	12000288	Nguyễn Thị Kim Phương	13/06/2008	Nữ	12C9	Địa
4	12000289	Võ Thị Ngọc Phương	10/07/2008	Nữ	12C9	Địa
5	12000290	Ngô Quốc Quân	09/05/2007	Nam	12C7	Địa
6	12000292	Võ Minh Quân	13/10/2008	Nam	12C7	Địa
7	12000293	Phạm Anh Quý	25/08/2008	Nam	12C10	Địa
8	12000297	Nguyễn Bảo Quỳnh	04/12/2008	Nữ	12C8	Địa
9	12000298	Nguyễn Hương Quỳnh	25/08/2008	Nữ	12C8	Địa
10	12000300	Phạm Như Quỳnh	19/05/2008	Nữ	12C7	Địa
11	12000301	Phạm Hoàng Sang	02/10/2008	Nam	12C8	Địa
12	12000303	Lý Thu Sen	28/10/2008	Nữ	12C6	Địa

Đông Sơn, ngày 4 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 16

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000210	Lê Anh Phúc	19/03/2010	Nam	10A8	Vật lí
2	10000211	Nguyễn Hồng Phúc	05/07/2010	Nam	10A7	Vật lí
3	10000212	Nguyễn Thị Kim Phúc	06/01/2010	Nữ	10A7	Vật lí
4	10000213	Bùi Ngọc Kỳ Phương	14/02/2010	Nữ	10A6	Vật lí
5	10000214	Bùi Thị Bích Phương	27/08/2010	Nữ	10A6	Vật lí
6	10000215	Nguyễn Thanh Phương	29/01/2010	Nam	10A8	Vật lí
7	10000217	Nguyễn Nhật Quân	23/02/2010	Nam	10A9	Vật lí
8	10000218	Trương Minh Quân	10/12/2010	Nam	10A4	Vật lí
9	10000219	Lê Võ Quang Quốc	29/10/2010	Nam	10A3	Vật lí
10	10000220	Nguyễn Thị Thùy Quyên	06/07/2010	Nữ	10A3	Vật lí
11	10000221	Đặng Lê Kim Quỳnh	23/07/2010	Nữ	10A6	Vật lí
12	10000222	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	13/09/2010	Nữ	10A1	Vật lí
1	11000273	Huỳnh Ngọc Nữ	02/12/2009	Nữ	11B1	Tin
2	11000274	Nguyễn Thị Xuân Nữ	03/01/2009	Nữ	11B12	Tin
3	11000275	Phạm Thị Yên Nữ	08/09/2009	Nữ	11B1	Tin
4	11000276	Nguyễn Thị Mỹ Nương	09/05/2009	Nữ	11B5	Tin
5	11000278	Nguyễn Thị Bích Ny	06/07/2009	Nữ	11B3	Tin
6	11000279	Võ Thị Hoài Ny	20/04/2009	Nữ	11B7	Tin
7	11000280	Nguyễn Thị Phương Oanh	03/02/2009	Nữ	11B12	Tin
8	11000282	Nguyễn Duy Phát	17/01/2009	Nam	11B1	Tin
9	11000283	Nguyễn Trần Minh Phát	23/03/2009	Nam	11B5	Tin
10	11000284	Nguyễn Võ Tấn Phát	16/11/2009	Nam	11B3	Tin
11	11000286	Nguyễn Hoàng Phi	25/08/2009	Nam	11B1	Tin
12	11000288	Cù Chí Phong	02/08/2009	Nam	11B7	Tin
1	12000306	Nguyễn Văn Tài	12/02/2008	Nam	12C11	Địa
2	12000307	Nguyễn Võ Tấn Tài	24/01/2008	Nam	12C11	Địa
3	12000308	Tiêu Viêt Tài	30/03/2008	Nam	12C9	Địa
4	12000311	Lê Văn Tâm	22/03/2008	Nam	12C6	Địa
5	12000312	Nguyễn Minh Tâm	14/01/2008	Nữ	12C9	Địa
6	12000313	Phan Thị Hồng Tâm	15/02/2008	Nữ	12C6	Địa
7	12000316	Vũ Thế Ngọc Thạch	02/09/2007	Nam	12C9	Địa
8	12000318	Trịnh Hồng Thái	10/11/2008	Nam	12C7	Địa
9	12000319	Tiêu Viêt Thành	08/10/2008	Nam	12C7	Địa
10	12000321	Bùi Thị Thu Thảo	10/04/2008	Nữ	12C7	Địa
11	12000322	Hoàng Thị Nguyên Thảo	05/04/2008	Nữ	12C10	Địa
12	12000326	Trương Nguyệt Thảo	22/09/2008	Nữ	12C11	Địa

Đông Sơn, ngày 4 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 17

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000223	Nguyễn Phạm Như Quỳnh	26/12/2010	Nữ	10A6	Vật lí
2	10000224	Nguyễn Trần Khánh Quỳnh	14/05/2010	Nữ	10A9	Vật lí
3	10000225	Vũ Hoàng Sa	18/11/2010	Nữ	10A7	Vật lí
4	10000226	Nguyễn Lâm Chí Sang	26/11/2010	Nam	10A1	Vật lí
5	10000227	Phan Đức Sơn	20/06/2010	Nam	10A1	Vật lí
6	10000228	Ngô Đức Tài	19/10/2010	Nam	10A3	Vật lí
7	10000229	Trần Thiên Tạo	27/04/2010	Nam	10A3	Vật lí
8	10000230	Huỳnh Nguyễn Ngọc Bảo Tâm	12/04/2010	Nữ	10A6	Vật lí
9	10000231	Ngô Thanh Tâm	02/02/2010	Nam	10A7	Vật lí
10	10000233	Phan Nhật Tân	05/07/2010	Nam	10A3	Vật lí
11	10000234	Dương Quang Thái	06/09/2010	Nam	10A1	Vật lí
12	10000235	Phạm Phú Thành	01/01/2010	Nam	10A1	Vật lí
1	11000289	Hoàng Đặng Phong	03/09/2009	Nam	11B1	Tin
2	11000291	Nguyễn Duy Phong	23/06/2009	Nam	11B1	Tin
3	11000292	Phạm Đình Hoàng Phong	02/04/2009	Nam	11B12	Tin
4	11000296	Nguyễn Đặng Hoàng Phúc	26/07/2009	Nam	11B1	Tin
5	11000297	Nguyễn Hoàng Phúc	03/03/2009	Nam	11B12	Tin
6	11000300	Nguyễn Hữu Phước	19/08/2009	Nam	11B12	Tin
7	11000302	Phạm Hoàng Phước	06/08/2009	Nam	11B1	Tin
8	11000303	Phạm Văn Phước	21/10/2009	Nam	11B3	Tin
9	11000304	Bùi Duy Phương	19/08/2009	Nam	11B6	Tin
10	11000306	Nguyễn Thị Hoàng Phương	03/02/2009	Nữ	11B12	Tin
11	11000307	Nguyễn Nguyễn Như Phương	18/12/2009	Nữ	11B7	Tin
12	11000308	Nguyễn Anh Quân	02/05/2009	Nam	11B2	Tin
1	12000328	Châu Bình Thủy Thêm	12/02/2008	Nam	12C10	Địa
2	12000335	Bùi Gia Thịnh	18/04/2008	Nam	12C9	Địa
3	12000336	Nguyễn Quốc Thịnh	12/09/2008	Nam	12C10	Địa
4	12000338	Phạm Lê Anh Thơ	29/09/2008	Nữ	12C6	Địa
5	12000339	Bùi Thị Thu Thuận	12/08/2008	Nữ	12C11	Địa
6	12000340	Phan Văn Thuận	05/03/2008	Nam	12C9	Địa
7	12000342	Võ Duy Thuận	17/09/2007	Nam	12C9	Địa
8	12000345	Trần Thị Mai Thuyên	25/03/2008	Nữ	12C6	Địa
9	12000346	Bùi Thị Anh Thư	20/07/2008	Nữ	12C6	Địa
10	12000347	Lê Thị Kim Thư	28/03/2008	Nữ	12C6	Địa
11	12000348	Ngô Võ Anh Thư	16/11/2008	Nữ	12C8	Địa
12	12000350	Nguyễn Thị Minh Thư	26/09/2008	Nữ	12C11	Địa

Đông Sơn, ngày 4 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NGÃI

TRƯỜNG THCS VÀ THPT VAN TUỜNG

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 18

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000236	Hồ Thị Thu Thảo	14/02/2010	Nữ	10A2	Vật lí
2	10000237	Huỳnh Tịnh Nhật Thảo	01/10/2010	Nữ	10A6	Vật lí
3	10000239	Võ Minh Thảo	31/03/2010	Nam	10A3	Vật lí
4	10000240	Võ Thị Thu Thảo	28/02/2010	Nữ	10A8	Vật lí
5	10000241	Nguyễn Thạch Thiên	22/06/2010	Nam	10A4	Vật lí
6	10000242	Phạm Thanh Thiên	16/07/2010	Nam	10A2	Vật lí
7	10000243	Trần Ngọc Thiện	24/01/2010	Nam	10A4	Vật lí
8	10000245	Võ Nguyễn Gia Thiệu	20/06/2010	Nam	10A2	Vật lí
9	10000246	Đoàn Tấn Thịnh	06/06/2010	Nam	10A2	Vật lí
10	10000247	Phạm Duy Thịnh	22/04/2010	Nam	10A3	Vật lí
11	10000248	Phan Văn Thịnh	18/06/2010	Nam	10A3	Vật lí
12	10000249	Võ Đức Thịnh	11/01/2010	Nam	10A4	Vật lí
1	11000311	Phạm Thị Nguyễn Quyên	17/12/2009	Nữ	11B5	Tin
2	11000313	Tiêu Thị Thảo Quyên	08/04/2009	Nữ	11B5	Tin
3	11000314	Trương Thị Quyên	02/03/2009	Nữ	11B12	Tin
4	11000315	Võ Hồng Quyên	08/05/2009	Nam	11B12	Tin
5	11000316	Nguyễn Văn Quyên	01/04/2009	Nam	11B5	Tin
6	11000317	Mai Nguyễn Xuân Quyết	17/11/2009	Nam	11B6	Tin
7	11000320	Đinh Thị Như Quỳnh	17/07/2009	Nữ	11B6	Tin
8	11000321	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	05/03/2009	Nữ	11B6	Tin
9	11000323	Trần Như Quỳnh	28/10/2008	Nữ	11B7	Tin
10	11000324	Trần Võ Như Quỳnh	13/05/2009	Nữ	11B6	Tin
11	11000327	Nguyễn Tấn Sang	30/01/2009	Nam	11B3	Tin
12	11000328	Nguyễn Công Sinh	18/10/2009	Nam	11B3	Tin
1	12000351	Võ Thị Bảo Thư	01/06/2008	Nữ	12C8	Địa
2	12000352	Võ Thị Minh Thư	05/10/2007	Nữ	12C9	Địa
3	12000353	Huỳnh Lê Thương	31/01/2008	Nữ	12C8	Địa
4	12000355	Lê Thị Thu Thương	05/01/2008	Nữ	12C10	Địa
5	12000358	Nguyễn Thị Hà Tiên	19/03/2008	Nữ	12C7	Địa
6	12000363	Nguyễn Minh Tín	10/06/2008	Nam	12C11	Địa
7	12000364	Bùi Văn Tình	01/09/2007	Nam	12C9	Địa
8	12000365	Lê Quang Tính	02/11/2008	Nam	12C6	Địa
9	12000366	Đoàn Võ Thanh Trà	25/02/2008	Nữ	12C8	Địa
10	12000367	Đoàn Nguyễn Huyền Trang	25/07/2008	Nữ	12C11	Địa
11	12000368	Trương Huyền Trang	27/03/2008	Nữ	12C6	Địa
12	12000370	Nguyễn Đỗ Thùy Trâm	14/03/2008	Nữ	12C10	Địa

Đông Sơn, ngày 4 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 19

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000250	Nguyễn Thị Ngọc Thơm	16/06/2010	Nữ	10A9	Vật lí
2	10000251	Phan Thị Thơm	23/02/2010	Nữ	10A7	Vật lí
3	10000253	Nguyễn Thị Thu	07/11/2010	Nữ	10A8	Vật lí
4	10000254	Lê Minh Thuận	01/06/2010	Nam	10A3	Vật lí
5	10000255	Bùi Văn Thuận	06/07/2010	Nam	10A8	Vật lí
6	10000256	Đặng Mai Thùy	24/12/2010	Nữ	10A9	Vật lí
7	10000257	Nguyễn Thanh Thuyền	01/05/2010	Nữ	10A7	Vật lí
8	10000258	Đặng Anh Thư	15/11/2010	Nữ	10A6	Vật lí
9	10000259	Lê Đỗ Anh Thư	05/06/2010	Nữ	10A7	Vật lí
10	10000260	Lý Nguyễn Minh Thư	10/04/2010	Nữ	10A9	Vật lí
11	10000261	Ngô Trần Anh Thư	05/04/2010	Nữ	10A9	Vật lí
12	10000262	Phạm Thới Anh Thư	16/01/2010	Nữ	10A8	Vật lí
1	11000329	Trương Nhật Sinh	14/03/2009	Nam	11B6	Tin
2	11000330	Nguyễn Ngọc Sơn	12/03/2009	Nam	11B12	Tin
3	11000331	Trương Công Hoàng Sơn	09/09/2009	Nam	11B12	Tin
4	11000332	Bùi Hữu Minh Tâm	26/08/2008	Nam	11B6	Tin
5	11000333	Nguyễn Thị Hồng Tâm	12/05/2009	Nữ	11B6	Tin
6	11000334	Nguyễn Tuấn Tâm	28/01/2009	Nam	11B2	Tin
7	11000335	Phạm Thị Thanh Tâm	15/11/2009	Nữ	11B1	Tin
8	11000336	Huỳnh Ngọc Thạch	27/04/2009	Nam	11B12	Tin
9	11000337	Nguyễn Ngọc Thạch	20/10/2009	Nam	11B3	Tin
10	11000339	Nguyễn Duy Thanh	25/03/2009	Nam	11B5	Tin
11	11000340	Đỗ Minh Thành	10/10/2009	Nam	11B2	Tin
12	11000341	Bùi Thanh Thảo	26/05/2009	Nữ	11B5	Tin
1	12000371	Nguyễn Thị Trâm	01/04/2008	Nữ	12C8	Địa
2	12000375	Quảng Thị Thùy Trâm	22/03/2008	Nữ	12C9	Địa
3	12000376	Tiêu Thị Trâm	19/09/2008	Nữ	12C6	Địa
4	12000377	Trần Thị Minh Ngọc Bảo Trâm	03/07/2008	Nữ	12C7	Địa
5	12000379	Võ Thị Trâm	03/12/2008	Nữ	12C7	Địa
6	12000380	Bùi Thị Thảo Trâm	26/10/2008	Nữ	12C8	Địa
7	12000381	Nguyễn Phạm Huyền Trân	12/01/2008	Nữ	12C10	Địa
8	12000382	Trần Minh Trí	17/02/2008	Nam	12C6	Địa
9	12000386	Phạm Hồng Kiều Trinh	11/05/2008	Nữ	12C11	Địa
10	12000391	Nguyễn Đức Trung	11/07/2008	Nam	12C7	Địa
11	12000392	Dương Quốc Trường	08/10/2008	Nam	12C10	Địa
12	12000393	Nguyễn Văn Trường	17/01/2007	Nam	12C11	Địa

Đông Sơn, ngày 4 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 20

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000264	Võ Anh Thư	18/12/2010	Nữ	10A8	Vật lí
2	10000265	Võ Thị Anh Thư	21/08/2010	Nữ	10A7	Vật lí
3	10000266	Lê Viết Thực	19/02/2010	Nam	10A9	Vật lí
4	10000267	Nguyễn Hữu My Thương	06/05/2010	Nữ	10A3	Vật lí
5	10000268	Phạm Đỗ Ngọc Thương	12/12/2010	Nữ	10A1	Vật lí
6	10000269	Bùi Bảo Thy	09/09/2010	Nữ	10A2	Vật lí
7	10000270	Phạm Thị Khánh Thy	02/11/2010	Nữ	10A2	Vật lí
8	10000271	Đỗ Nguyễn Ngọc Tiên	15/09/2010	Nữ	10A3	Vật lí
9	10000272	Hà Đỗ Trúc Tiên	22/12/2010	Nữ	10A9	Vật lí
10	10000273	Nguyễn Thị Ái Tiên	02/12/2010	Nữ	10A6	Vật lí
11	10000274	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	11/01/2010	Nữ	10A8	Vật lí
12	10000275	Nguyễn Thị Việt Tiên	24/08/2010	Nữ	10A4	Vật lí
1	11000342	Bùi Thị Thảo	04/10/2009	Nữ	11B3	Tin
2	11000347	Phạm Thị Thanh Thảo	01/03/2009	Nữ	11B7	Tin
3	11000349	Nguyễn Thị Hồng Thắm	19/01/2009	Nữ	11B3	Tin
4	11000351	Dương Nguyễn Hữu Thắng	30/03/2009	Nam	11B2	Tin
5	11000352	Võ Hoài Thế	19/01/2009	Nam	11B2	Tin
6	11000355	Tạ Đình Thiện	10/02/2009	Nam	11B4	Tin
7	11000356	Võ Thiện	20/01/2009	Nam	11B4	Tin
8	11000357	Nguyễn Phúc Thịnh	31/10/2009	Nam	11B12	Tin
9	11000358	Nguyễn Sinh Thịnh	13/10/2009	Nam	11B3	Tin
10	11000359	Nguyễn Thành Thịnh	28/05/2009	Nam	11B5	Tin
11	11000360	Nguyễn Tuấn Thịnh	16/05/2009	Nam	11B12	Tin
12	11000361	Bùi Kim Thoa	27/12/2009	Nữ	11B7	Tin
1	12000395	Trương Công Trường	12/01/2008	Nam	12C8	Địa
2	12000398	Võ Đoàn Minh Tú	11/06/2008	Nam	12C11	Địa
3	12000400	Đỗ Quốc Tuấn	28/06/2008	Nam	12C6	Địa
4	12000406	Võ Duy Tuyển	17/05/2008	Nam	12C10	Địa
5	12000407	Nguyễn Thị Hồng Tuyết	21/05/2008	Nữ	12C9	Địa
6	12000409	Nguyễn Thị Tý	15/04/2008	Nữ	12C8	Địa
7	12000410	Nguyễn Thị Uyên	23/12/2008	Nữ	12C6	Địa
8	12000412	Võ Thị Thùy Vân	26/01/2008	Nữ	12C11	Địa
9	12000414	Ngô Thị Tường Vi	08/12/2008	Nữ	12C7	Địa
10	12000416	Bùi Huy Vi	15/10/2008	Nam	12C7	Địa
11	12000417	Nguyễn Tấn Vĩ	23/02/2008	Nam	12C8	Địa
12	12000418	Nguyễn Trung Vĩ	05/05/2008	Nam	12C11	Địa

Đông Sơn, ngày 4 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000276	Trần Thị Thủy Tiên	29/08/2010	Nữ	10A2	Vật lí
2	10000277	Nguyễn Văn Tiến	01/02/2010	Nam	10A2	Vật lí
3	10000279	Nguyễn Như Tinh	05/04/2010	Nữ	10A7	Vật lí
4	10000280	Đặng Thanh Tinh	11/01/2010	Nam	10A7	Vật lí
5	10000281	Nguyễn Việt Tịnh	12/11/2010	Nam	10A3	Vật lí
6	10000282	Nguyễn Thị Huyền Trang	29/05/2010	Nữ	10A1	Vật lí
7	10000283	Nguyễn Thị Thu Trang	02/04/2010	Nữ	10A6	Vật lí
8	10000284	Nguyễn Thị Thùy Trang	15/03/2010	Nữ	10A7	Vật lí
9	10000285	Phạm Thị Thu Trang	04/05/2010	Nữ	10A9	Vật lí
10	10000286	Phan Thị Thùy Trang	08/11/2010	Nữ	10A4	Vật lí
11	10000288	Võ Bùi Đoan Trang	25/02/2010	Nữ	10A8	Vật lí
12	10000289	Vũ Thị Huyền Trang	18/12/2010	Nữ	10A6	Vật lí
1	11000363	Bùi Quỳnh Thơm	21/09/2009	Nam	11B3	Tin
2	11000364	Nguyễn Thị Thủy	03/12/2009	Nữ	11B6	Tin
3	11000365	Võ Thị Thu Thủy	01/07/2009	Nữ	11B5	Tin
4	11000366	Huỳnh Thị Thúy	18/06/2009	Nữ	11B4	Tin
5	11000373	Nguyễn Minh Thư	20/11/2009	Nữ	11B3	Tin
6	11000374	Nguyễn Ngọc Anh Thư	12/07/2009	Nữ	11B7	Tin
7	11000375	Nguyễn Ngọc Anh Thư	26/12/2009	Nữ	11B6	Tin
8	11000376	Nguyễn Phan Anh Thư	29/09/2009	Nữ	11B7	Tin
9	11000379	Nguyễn Thị Hoài Thư	16/08/2009	Nữ	11B6	Tin
10	11000380	Nguyễn Thị Minh Thư	16/08/2009	Nữ	11B6	Tin
11	11000381	Phạm Thị Anh Thư	08/12/2009	Nữ	11B6	Tin
12	11000385	Ngô Thị Hoài Thương	27/05/2009	Nữ	11B7	Tin
1	12000422	Dương Thị Vin	24/07/2008	Nữ	12C10	Địa
2	12000424	Đặng Tấn Vinh	04/11/2008	Nam	12C7	Địa
3	12000425	Dương Văn Vội	26/02/2008	Nam	12C8	Địa
4	12000426	Nguyễn Công Vũ	12/06/2008	Nam	12C11	Địa
5	12000429	Phạm Tấn Vũ	04/01/2008	Nam	12C9	Địa
6	12000431	Dương Thị Tường Vy	08/11/2008	Nữ	12C6	Địa
7	12000436	Võ Thị Bảo Xuyên	02/01/2008	Nữ	12C10	Địa
8	12000439	Đỗ Thị Như ý	14/05/2008	Nữ	12C6	Địa
9	12000442	Nguyễn Thị Kim Yến	11/06/2008	Nữ	12C7	Địa

Đông Sơn, ngày 4 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG**Ngô Ngọc Lâm**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NGÃI

TRƯỜNG THCS VÀ THPT VAN TUỜNG

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 22

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000290	Hoàng Thủy Thùy Trâm	25/06/2010	Nữ	10A8	Vật lí
2	10000291	Nguyễn Thị Bảo Trâm	25/02/2010	Nữ	10A2	Vật lí
3	10000292	Phạm Bảo Trân	28/04/2010	Nữ	10A9	Vật lí
4	10000293	Nguyễn Hà Nhật Tri	15/01/2010	Nam	10A3	Vật lí
5	10000294	Nguyễn Văn Trí	16/12/2010	Nam	10A1	Vật lí
6	10000295	Nguyễn Thị Hải Triều	27/02/2010	Nữ	10A3	Vật lí
7	10000296	Cao Nhật Trinh	08/09/2010	Nam	10A4	Vật lí
8	10000297	Võ Dương Thanh Trúc	10/09/2010	Nữ	10A7	Vật lí
9	10000298	Dương Phi Trường	16/01/2010	Nam	10A1	Vật lí
10	10000299	Bùi Thanh Tú	15/11/2010	Nam	10A8	Vật lí
11	10000300	Huỳnh Cẩm Tú	02/04/2010	Nữ	10A1	Vật lí
12	10000301	Nguyễn Thị Cẩm Tú	18/12/2010	Nữ	10A8	Vật lí
1	11000386	Phạm Duy Thường	17/10/2009	Nam	11B4	Tin
2	11000388	Nguyễn Bảo Thy	15/06/2009	Nữ	11B5	Tin
3	11000389	Nguyễn Đặng Bảo Thy	22/12/2009	Nữ	11B1	Tin
4	11000390	Nguyễn Huỳnh Hải Thy	21/09/2009	Nữ	11B7	Tin
5	11000391	Huỳnh Đỗ Thủy Tiên	07/01/2009	Nữ	11B5	Tin
6	11000394	Trần Văn Tiên	28/02/2009	Nam	11B4	Tin
7	11000399	Đinh Phạm Hữu Toàn	09/05/2009	Nam	11B4	Tin
8	11000400	Thiều Hữu Bảo Toàn	03/11/2009	Nam	11B7	Tin
9	11000401	Đồng Thị Minh Trang	19/12/2009	Nữ	11B1	Tin
10	11000402	Lê Phương Trang	22/11/2009	Nữ	11B1	Tin
11	11000403	Nguyễn Thị Thu Trang	24/09/2009	Nữ	11B1	Tin
12	11000404	Phạm Nguyễn Mai Trang	07/10/2009	Nữ	11B2	Tin
1	12000008	Trần Kỳ Anh	15/08/2008	Nam	12C3	Hóa
2	12000009	Ao Thiên Ân	30/08/2008	Nam	12C5	Hóa
3	12000012	Bùi Trần Gia Bảo	25/01/2008	Nam	12C4	Hóa
4	12000013	Trần Quang Bảo	21/07/2008	Nam	12C2	Hóa
5	12000014	Nguyễn Gia Biều	26/10/2008	Nam	12C3	Hóa
6	12000018	Phạm Thị Kim Cẩm	07/09/2008	Nữ	12C4	Hóa
7	12000021	Nguyễn Thị Châu	13/07/2008	Nữ	12C5	Hóa
8	12000025	Bùi Văn Chiến	24/03/2008	Nam	12C3	Hóa
9	12000026	Tiêu Việt Chiến	10/02/2008	Nam	12C3	Hóa
10	12000027	Tổng Xuân Chiến	27/09/2008	Nam	12C5	Hóa
11	12000029	Võ Minh Chiến	23/07/2008	Nam	12C4	Hóa
12	12000030	Đặng Tấn Công	10/09/2008	Nam	12C4	Hóa

Đông Sơn, ngày 4 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 23

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000302	Nguyễn Anh Tuấn	31/05/2010	Nam	10A4	Vật lí
2	10000303	Nguyễn Thanh Tuấn	21/01/2010	Nam	10A4	Vật lí
3	10000304	Trương Quang Tuấn	17/09/2010	Nam	10A3	Vật lí
4	10000305	Võ Văn Tuấn	25/11/2010	Nam	10A9	Vật lí
5	10000306	Nguyễn Thanh Tùng	15/02/2010	Nam	10A7	Vật lí
6	10000307	Nguyễn Ngọc Tuyền	30/01/2010	Nữ	10A2	Vật lí
7	10000308	Võ Ngọc Phượng Tuyền	25/07/2010	Nữ	10A2	Vật lí
8	10000309	Võ Thị Ánh Tuyết	22/12/2010	Nữ	10A9	Vật lí
9	10000310	Đoàn Thị Tường	05/02/2009	Nữ	10A7	Vật lí
10	10000312	Mai Lê Phương Uyên	05/08/2010	Nữ	10A6	Vật lí
11	10000313	Hồ Thị Hương Vân	08/07/2010	Nữ	10A3	Vật lí
12	10000314	Phạm Thị Thúy Vân	03/07/2010	Nữ	10A6	Vật lí
1	11000405	Phan Thị Trang	24/01/2009	Nữ	11B4	Tin
2	11000406	Bùi Bảo Trâm	31/03/2009	Nữ	11B1	Tin
3	11000407	Bùi Nguyễn Quỳnh Trâm	02/03/2009	Nữ	11B3	Tin
4	11000411	Phạm Thị Mai Trâm	02/05/2009	Nữ	11B7	Tin
5	11000413	Đỗ Anh Trí	19/02/2009	Nam	11B1	Tin
6	11000414	Trần Quang Trí	11/08/2009	Nam	11B4	Tin
7	11000415	Nguyễn Minh Triết	27/01/2009	Nam	11B4	Tin
8	11000416	Phan Văn Triết	23/12/2009	Nam	11B6	Tin
9	11000422	Trương Quang Trọng	10/12/2009	Nam	11B12	Tin
10	11000423	Đặng Thị Trúc	14/10/2009	Nữ	11B3	Tin
11	11000424	Lê Thị Minh Trúc	21/04/2009	Nữ	11B5	Tin
12	11000425	Đặng Hữu Trung	07/04/2009	Nam	11B3	Tin
1	12000032	Phùng Quang Cường	12/05/2008	Nam	12C3	Hóa
2	12000036	Nguyễn Thị Mỹ Diễm	30/03/2008	Nữ	12C5	Hóa
3	12000037	Lâm Ngọc Diệp	25/05/2008	Nữ	12C2	Hóa
4	12000039	Nguyễn Lê Xuân Diệu	01/06/2008	Nữ	12C4	Hóa
5	12000043	Nguyễn Mạnh Dũng	07/07/2008	Nam	12C1	Hóa
6	12000044	Nguyễn Tấn Dũng	29/03/2008	Nam	12C5	Hóa
7	12000046	Lê Phan Quang Duy	08/05/2008	Nam	12C4	Hóa
8	12000049	Võ Hồng Duy	11/06/2008	Nam	12C1	Hóa
9	12000050	Võ Lê Duy	16/02/2008	Nam	12C2	Hóa
10	12000054	Võ Nguyên Thùy Duyên	24/08/2008	Nữ	12C5	Hóa
11	12000055	Bùi Duy Đạt	13/06/2008	Nam	12C1	Hóa
12	12000057	Nguyễn Đạt	10/03/2008	Nam	12C1	Hóa

Đông Sơn, ngày 4 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 24

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000315	Nguyễn Thị Kiều Vi	12/06/2010	Nữ	10A8	Vật lí
2	10000316	Phạm Lê Tường Vi	27/01/2010	Nữ	10A6	Vật lí
3	10000317	Võ Đại Vĩ	20/01/2010	Nam	10A2	Vật lí
4	10000318	Bùi Thị Tường Viên	14/10/2010	Nữ	10A6	Vật lí
5	10000319	Lê Quang Vinh	17/03/2010	Nam	10A9	Vật lí
6	10000320	Nguyễn Quang Vinh	29/08/2010	Nam	10A8	Vật lí
7	10000321	Trương Công Vinh	24/04/2010	Nam	10A4	Vật lí
8	10000322	Kiều Duy Vũ	08/08/2010	Nam	10A3	Vật lí
9	10000323	Phan Thị Ngọc Vui	18/09/2010	Nữ	10A2	Vật lí
10	10000325	Nguyễn Thị Hà Vy	18/07/2010	Nữ	10A1	Vật lí
11	10000326	Nguyễn Thị Tường Vy	28/02/2010	Nữ	10A3	Vật lí
12	10000327	Phan Thảo Vy	02/11/2010	Nữ	10A9	Vật lí
1	11000427	Nguyễn Quốc Trung	19/03/2009	Nam	11B2	Tin
2	11000429	Nguyễn Quốc Trường	01/01/2009	Nam	11B4	Tin
3	11000431	Đỗ Nhật Tú	13/10/2009	Nữ	11B1	Tin
4	11000432	Lê Văn Tú	30/07/2009	Nam	11B4	Tin
5	11000433	Nguyễn Thị Cẩm Tú	22/02/2009	Nữ	11B4	Tin
6	11000435	Huỳnh Anh Tuấn	26/07/2009	Nam	11B2	Tin
7	11000436	Nguyễn Minh Tuấn	26/03/2009	Nam	11B4	Tin
8	11000439	Phạm Quốc Tuấn	16/10/2009	Nam	11B6	Tin
9	11000440	Trương Tiến Tuấn	10/09/2009	Nam	11B4	Tin
10	11000442	Nguyễn Văn Tuyên	07/07/2009	Nam	11B5	Tin
11	11000444	Nguyễn Thị Tuyết	10/07/2009	Nữ	11B5	Tin
12	11000447	Phạm Khả Uyên	26/07/2009	Nữ	11B6	Tin
1	12000060	Huỳnh Tấn Đệ	09/06/2008	Nam	12C2	Hóa
2	12000064	Phạm Thị Ngọc Diệp	10/02/2008	Nữ	12C3	Hóa
3	12000065	Huỳnh Kết Đoàn	18/02/2008	Nam	12C4	Hóa
4	12000066	Nguyễn Hoàng Đức	30/12/2008	Nam	12C5	Hóa
5	12000067	Ngô Quốc Được	09/05/2008	Nam	12C4	Hóa
6	12000068	Nguyễn Thị A Em	30/07/2008	Nữ	12C5	Hóa
7	12000069	Nguyễn Ngọc Trường Giang	30/10/2008	Nam	12C2	Hóa
8	12000072	Trương Thị Hương Giang	23/07/2008	Nữ	12C4	Hóa
9	12000074	Huỳnh Thị Thu Hà	31/10/2008	Nữ	12C3	Hóa
10	12000076	Nguyễn Thị Thu Hà	05/10/2008	Nữ	12C5	Hóa
11	12000079	Lê Đức Hải	30/04/2008	Nam	12C5	Hóa
12	12000081	Nguyễn Thị Hằng	07/10/2008	Nữ	12C2	Hóa

Đông Sơn, ngày 4 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NGÃI

TRƯỜNG THCS VÀ THPT VAN TUỜNG

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 25

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000328	Tổng Thị Tường Vy	14/07/2010	Nữ	10A1	Vật lí
2	10000329	Võ Thị Minh Vy	02/08/2010	Nữ	10A6	Vật lí
3	10000330	Đỗ Tấn Ý	28/03/2010	Nam	10A6	Vật lí
4	10000331	Nguyễn Châu Khả Ý	27/08/2010	Nữ	10A2	Vật lí
5	10000332	Nguyễn Lâm Ý	10/09/2010	Nam	10A4	Vật lí
6	10000333	Trần Thị Như Ý	19/05/2010	Nữ	10A7	Vật lí
7	10000334	Võ Phạm Hồng Yên	26/06/2010	Nữ	10A8	Vật lí
8	10000335	Lê Ngọc Bảo Yến	17/06/2010	Nữ	10A9	Vật lí
9	10000336	Nguyễn Thị Hải Yến	02/10/2010	Nữ	10A3	Vật lí
1	11000448	Nguyễn Thành Vần	02/01/2009	Nam	11B2	Tin
2	11000450	Bùi Thị Thanh Vi	20/06/2009	Nữ	11B12	Tin
3	11000452	Phạm Vương Vĩ	16/05/2009	Nam	11B5	Tin
4	11000454	Hồ Võ Anh Việt	10/01/2009	Nam	11B5	Tin
5	11000456	Phan Khánh Việt	13/08/2009	Nam	11B2	Tin
6	11000459	Bùi Anh Võ	07/09/2008	Nam	11B5	Tin
7	11000463	Thái Ngọc Vũ	02/06/2009	Nam	11B4	Tin
8	11000464	Lê Quang Vương	08/02/2009	Nam	11B5	Tin
9	11000465	Trần Phi Vương	09/07/2009	Nam	11B4	Tin
10	11000466	Trương Thanh Vương	17/10/2009	Nam	11B6	Tin
11	11000472	Đoàn Ý	09/04/2009	Nam	11B2	Tin
12	11000473	Đỗ Như Ý	05/02/2009	Nữ	11B12	Tin
1	12000082	Nguyễn Thị Thu Hằng	26/03/2008	Nữ	12C1	Hóa
2	12000085	Lê Mỹ Hân	09/11/2008	Nữ	12C2	Hóa
3	12000086	Phạm Gia Hân	10/02/2008	Nữ	12C5	Hóa
4	12000090	Tạ Văn Hậu	16/06/2008	Nam	12C1	Hóa
5	12000091	Phạm Huy Hiên	22/11/2008	Nam	12C3	Hóa
6	12000093	Phan Công Hiếu	08/10/2008	Nam	12C5	Hóa
7	12000094	Tạ Thị Thu Hiếu	27/03/2008	Nữ	12C3	Hóa
8	12000103	Tiêu Viết Hợp	17/05/2008	Nam	12C5	Hóa
9	12000104	Đỗ Sinh Hùng	03/01/2008	Nam	12C5	Hóa
10	12000105	Đỗ Trần Tấn Hùng	26/10/2008	Nam	12C4	Hóa
11	12000112	Phạm Quốc Huy	22/09/2008	Nam	12C3	Hóa
12	12000113	Thái Bùi Quốc Huy	02/03/2008	Nam	12C2	Hóa

Đông Sơn, ngày 4 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 26

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000015	Nguyễn Thái Bảo	09/10/2010	Nam	10A5	KTPL
2	10000030	Võ Lâm Cường	28/12/2009	Nam	10A5	KTPL
3	10000040	Nguyễn Văn Tiến Dũng	27/07/2009	Nam	10A5	KTPL
4	10000062	Tô Thị Bích Hằng	20/01/2010	Nữ	10A5	KTPL
5	10000069	Nguyễn Tấn Hiền	05/08/2010	Nam	10A5	KTPL
6	10000076	Nguyễn Đức Hoa	25/09/2010	Nam	10A5	KTPL
7	10000077	Nguyễn Thị Hoa	02/03/2010	Nữ	10A5	KTPL
8	10000083	Đỗ Thị Kim Huệ	25/02/2010	Nữ	10A5	KTPL
9	10000084	Cao Nguyễn Gia Huy	22/08/2009	Nam	10A5	KTPL
10	10000085	Lê Đức Huy	17/09/2009	Nam	10A5	KTPL
11	10000104	Nguyễn Công Kha	25/01/2010	Nam	10A5	KTPL
12	10000112	Nguyễn Văn Khoa	20/11/2010	Nam	10A5	KTPL
1	11000474	Đỗ Thị Thúy Yên	23/04/2009	Nữ	11B2	Tin
2	11000475	Phạm Thị Yên	08/04/2009	Nữ	11B5	Tin
3	11000476	Lê Thị Kim Yên	27/07/2009	Nữ	11B1	Tin
4	11000480	Trần Thị Hải Yên	17/06/2009	Nữ	11B6	Tin
5	11000481	Võ Thị Bảo Yên	08/10/2009	Nữ	11B5	Tin
6	11000482	Võ Thị Bảo Yên	08/09/2009	Nữ	11B7	Tin
1	12000114	Trần Gia Huy	25/05/2008	Nam	12C3	Hóa
2	12000115	Phạm Huỳnh Huyền	11/02/2008	Nữ	12C4	Hóa
3	12000119	Huỳnh Tấn Huỳnh	09/06/2008	Nam	12C2	Hóa
4	12000123	Nguyễn Thanh Hưng	16/01/2008	Nam	12C2	Hóa
5	12000124	Phạm Tấn Hưng	09/01/2008	Nam	12C2	Hóa
6	12000125	Trần Gia Hưng	23/09/2008	Nam	12C3	Hóa
7	12000126	Đồng Thị Hương	06/12/2007	Nữ	12C2	Hóa
8	12000128	Nguyễn Kha	13/01/2008	Nam	12C3	Hóa
9	12000129	Nguyễn Vũ Hồng Kha	08/03/2008	Nam	12C2	Hóa
10	12000130	Phạm Ngọc Duy Kha	19/09/2008	Nam	12C5	Hóa
11	12000132	Lê Văn Khải	19/08/2008	Nam	12C2	Hóa
12	12000135	Nguyễn Văn Khang	09/11/2008	Nam	12C4	Hóa

Đông Sơn, ngày 4 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NGÃI

TRƯỜNG THCS VÀ THPT VAN TUÔNG

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 27

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000114	Nguyễn Duy Khôi	07/12/2009	Nam	10A5	KTPL
2	10000120	Dương Thị Mỹ Kiều	14/09/2010	Nữ	10A5	KTPL
3	10000124	Vy Ngọc Lâm	05/01/2010	Nam	10A5	KTPL
4	10000128	Đoàn Trần Quỳnh Loan	31/05/2010	Nữ	10A5	KTPL
5	10000134	Võ Thị Kim Ly	07/06/2010	Nữ	10A5	KTPL
6	10000142	Lê Vũ Trà My	10/03/2010	Nữ	10A5	KTPL
7	10000144	Phạm Vũ Kiều My	09/11/2010	Nữ	10A5	KTPL
8	10000151	Nguyễn Đỗ A Na	04/12/2010	Nữ	10A5	KTPL
9	10000158	Phạm Thị Thanh Nga	23/08/2010	Nữ	10A5	KTPL
10	10000161	Nguyễn Thị Kim Ngân	14/05/2010	Nữ	10A5	KTPL
11	10000172	Lại Phạm Ánh Ngọc	21/08/2010	Nữ	10A5	KTPL
12	10000182	Đồng Thị Kim Nhất	11/12/2010	Nữ	10A5	KTPL
1	11000002	Bùi Thị Mỹ Anh	16/07/2009	Nữ	11B9	KTPL (11B8-11)
2	11000005	Nguyễn Phước Anh	23/08/2009	Nam	11B9	KTPL (11B8-11)
3	11000010	Lê Thị Hải Âu	01/06/2009	Nữ	11B9	KTPL (11B8-11)
4	11000013	Nguyễn Gia Bảo	04/02/2009	Nam	11B8	KTPL (11B8-11)
5	11000014	Nguyễn Gia Bảo	30/08/2009	Nam	11B11	KTPL (11B8-11)
6	11000015	Nguyễn Hồng Bảo	26/06/2009	Nam	11B10	KTPL (11B8-11)
7	11000019	Nguyễn Thị Ái Bình	16/09/2009	Nữ	11B10	KTPL (11B8-11)
8	11000020	Nguyễn Thị Anh Bình	20/11/2009	Nữ	11B11	KTPL (11B8-11)
9	11000022	Đinh Thị Mỹ Châu	05/01/2009	Nữ	11B8	KTPL (11B8-11)
10	11000032	Hà Văn Chiến	01/01/2009	Nam	11B11	KTPL (11B8-11)
11	11000034	Nguyễn Thị Kim Chung	18/10/2009	Nữ	11B9	KTPL (11B8-11)
12	11000040	Nguyễn Thành Danh	08/05/2009	Nam	11B11	KTPL (11B8-11)
1	12000137	Phan Trí Khang	07/06/2008	Nam	12C5	Hóa
2	12000141	Nguyễn Trà Khánh	22/04/2008	Nam	12C2	Hóa
3	12000145	Tổng Duy Khoa	11/11/2008	Nam	12C2	Hóa
4	12000146	Võ Đăng Khoa	11/08/2008	Nam	12C2	Hóa
5	12000147	Võ Tấn Khoa	27/04/2008	Nam	12C2	Hóa
6	12000148	Phạm Nguyễn Đăng Khôi	04/12/2008	Nam	12C1	Hóa
7	12000149	Võ Chí Khôi	13/08/2008	Nam	12C1	Hóa
8	12000150	Phạm Anh Khuê	20/06/2008	Nam	12C1	Hóa
9	12000152	Đặng Trung Kiên	08/11/2008	Nam	12C4	Hóa
10	12000154	Ngô Tuấn Kiệt	26/08/2008	Nam	12C2	Hóa
11	12000158	Nguyễn Thị Vân Kiều	04/07/2008	Nữ	12C4	Hóa
12	12000161	Võ Thị Ngọc Lai	01/04/2008	Nữ	12C3	Hóa

Đông Sơn, ngày 4 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 28

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000191	Nguyễn Trần Tuệ Nhi	09/09/2010	Nữ	10A5	KTPL
2	10000196	Bùi Thị Tâm Như	12/08/2009	Nữ	10A5	KTPL
3	10000198	Đỗ Thị Quỳnh Như	19/11/2010	Nữ	10A5	KTPL
4	10000199	Đỗ Thùy Ý Như	20/07/2010	Nữ	10A5	KTPL
5	10000203	Tạ Hoàng Yến Như	01/01/2010	Nữ	10A5	KTPL
6	10000216	Tiêu Thị Phụng	09/02/2010	Nữ	10A5	KTPL
7	10000232	Trịnh Thị Minh Tâm	06/08/2010	Nữ	10A5	KTPL
8	10000238	Quảng Thị Phương Thảo	02/08/2010	Nữ	10A5	KTPL
9	10000244	Trần Thị Thiện	26/12/2010	Nữ	10A5	KTPL
10	10000252	Nguyễn Thị Minh Thu	25/09/2010	Nữ	10A5	KTPL
11	10000263	Thới Thị Anh Thư	08/10/2010	Nữ	10A5	KTPL
12	10000278	Đinh Thị Kim Tiết	13/06/2010	Nữ	10A5	KTPL
1	11000042	Phạm Xuân Diễm	20/05/2009	Nữ	11B9	KTPL (11B8-11)
2	11000051	Đoàn Thị Mỹ Duyên	07/03/2009	Nữ	11B8	KTPL (11B8-11)
3	11000052	Hồ Thị Thảo Duyên	06/07/2009	Nữ	11B11	KTPL (11B8-11)
4	11000053	Lê Thị Mỹ Duyên	25/01/2009	Nữ	11B10	KTPL (11B8-11)
5	11000054	Nguyễn Ngọc Kiều Duyên	10/02/2009	Nữ	11B8	KTPL (11B8-11)
6	11000055	Nguyễn Thị Bích Duyên	08/09/2009	Nữ	11B8	KTPL (11B8-11)
7	11000056	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	30/11/2009	Nữ	11B9	KTPL (11B8-11)
8	11000057	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	17/07/2009	Nữ	11B10	KTPL (11B8-11)
9	11000060	Nguyễn Thị Hiếu Dương	14/08/2009	Nữ	11B8	KTPL (11B8-11)
10	11000062	Trần Nguyễn Bảo Đại	29/09/2009	Nam	11B11	KTPL (11B8-11)
11	11000064	Huỳnh Khánh Đan	07/05/2009	Nam	11B11	KTPL (11B8-11)
12	11000069	Phan Văn Đạt	19/10/2009	Nam	11B10	KTPL (11B8-11)
1	12000164	Nguyễn Hoàng Gia Lâm	20/04/2008	Nam	12C5	Hóa
2	12000165	Võ Duy Lâm	29/04/2008	Nam	12C1	Hóa
3	12000170	Nguyễn Hoàng Linh	24/06/2008	Nữ	12C1	Hóa
4	12000174	Võ Thị Khánh Linh	21/03/2008	Nữ	12C3	Hóa
5	12000178	Bùi Đức Luật	18/10/2008	Nam	12C2	Hóa
6	12000181	Nguyễn Ngọc Ly	26/01/2008	Nữ	12C4	Hóa
7	12000182	Nguyễn Thị Thùy Ly	22/01/2008	Nữ	12C5	Hóa
8	12000183	Phạm Thị Mỹ Ly	11/05/2008	Nữ	12C5	Hóa
9	12000186	Phạm Thị Mỹ Lý	05/08/2008	Nữ	12C3	Hóa
10	12000188	Bùi Gia Min	25/05/2008	Nam	12C1	Hóa
11	12000196	Đỗ Mai Huyền My	03/11/2008	Nữ	12C4	Hóa
12	12000197	Lương Thảo My	06/10/2008	Nữ	12C1	Hóa

Đông Sơn, ngày 4 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 29

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10000287	Trần Võ Phương Trang	18/02/2010	Nữ	10A5	KTPL
2	10000311	Lê Võ Tú Uyên	22/07/2010	Nữ	10A5	KTPL
3	10000324	Châu Lâm Hạnh Vy	25/01/2010	Nữ	10A5	KTPL
1	11000072	Nguyễn Minh Đức	08/01/2009	Nam	11B11	KTPL (11B8-11)
2	11000073	Võ Hoàng Gia	27/11/2009	Nam	11B11	KTPL (11B8-11)
3	11000075	Lê Thị Kim Ha	25/05/2009	Nữ	11B11	KTPL (11B8-11)
4	11000079	Võ Thị Thu Hà	31/01/2009	Nữ	11B10	KTPL (11B8-11)
5	11000086	Trần Thị Mỹ Hào	08/12/2009	Nữ	11B10	KTPL (11B8-11)
6	11000087	Đỗ Thị Thanh Hằng	12/08/2009	Nữ	11B8	KTPL (11B8-11)
7	11000089	Lê Bảo Hân	07/11/2009	Nữ	11B8	KTPL (11B8-11)
8	11000091	Nguyễn Thị Gia Hân	17/11/2009	Nữ	11B10	KTPL (11B8-11)
9	11000092	Tạ Gia Hân	02/05/2009	Nữ	11B8	KTPL (11B8-11)
10	11000096	Phạm Thị Hiền	05/12/2009	Nữ	11B8	KTPL (11B8-11)
11	11000100	Phạm Hoàng Hiếu	02/11/2009	Nam	11B8	KTPL (11B8-11)
12	11000104	Trần Thị Mỹ Hoa	02/06/2009	Nữ	11B8	KTPL (11B8-11)
1	12000210	Nguyễn Thái Nam	30/01/2008	Nam	12C4	Hóa
2	12000211	Nguyễn Văn Nam	02/05/2008	Nam	12C4	Hóa
3	12000212	Đồng Thị Thu Nga	10/01/2008	Nữ	12C1	Hóa
4	12000217	Huỳnh Thị Xuân Ngân	20/05/2008	Nữ	12C5	Hóa
5	12000220	Nguyễn Thị Thúy Ngân	18/06/2008	Nữ	12C1	Hóa
6	12000223	Phạm Thị Thanh Ngân	10/07/2008	Nữ	12C2	Hóa
7	12000224	Phạm Thị Thu Ngân	16/06/2008	Nữ	12C4	Hóa
8	12000225	Tô Thị Ngọc Ngân	14/10/2008	Nữ	12C5	Hóa
9	12000230	Võ Thị Ngoan	09/04/2008	Nữ	12C3	Hóa
10	12000231	Phan Mai Bảo Ngọc	20/10/2008	Nữ	12C1	Hóa
11	12000233	Võ Đức Ngọc	21/05/2008	Nam	12C5	Hóa
12	12000234	Dương Tổng Thảo Nguyên	06/07/2008	Nữ	12C1	Hóa

Đông Sơn, ngày 4 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 30

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000105	Nguyễn Thị Hải Hòa	28/07/2009	Nữ	11B8	KTPL (11B8-11)
2	11000106	Phan Lê Như Huệ	28/02/2009	Nữ	11B8	KTPL (11B8-11)
3	11000110	Phạm Tấn Huy	10/12/2009	Nam	11B10	KTPL (11B8-11)
4	11000111	Phan Chí Huy	01/09/2009	Nam	11B11	KTPL (11B8-11)
5	11000117	Lê Thị Huyền	28/02/2009	Nữ	11B8	KTPL (11B8-11)
6	11000118	Trương Khánh Huyền	29/07/2009	Nữ	11B8	KTPL (11B8-11)
7	11000129	Nguyễn Hoàng Khang	03/06/2009	Nam	11B11	KTPL (11B8-11)
8	11000131	Nguyễn Văn Chấn Khang	25/12/2009	Nam	11B9	KTPL (11B8-11)
9	11000134	Huỳnh Nguyễn Duy Khánh	15/06/2009	Nam	11B11	KTPL (11B8-11)
10	11000135	Huỳnh Xuân Khánh	23/01/2009	Nữ	11B11	KTPL (11B8-11)
11	11000137	Trần Quốc Khánh	03/10/2009	Nam	11B11	KTPL (11B8-11)
12	11000139	Bùi Nguyễn Anh Khoa	13/05/2009	Nam	11B8	KTPL (11B8-11)
1	12000235	Nguyễn Thị Hạnh Nguyên	20/01/2008	Nữ	12C3	Hóa
2	12000237	Lê Trung Nguyễn	13/07/2008	Nam	12C2	Hóa
3	12000239	Huỳnh Thị Thanh Nhân	16/10/2007	Nữ	12C2	Hóa
4	12000241	Huỳnh Thị Ngọc Nhân	26/07/2008	Nữ	12C1	Hóa
5	12000243	Lê Quang Nhật	19/09/2008	Nam	12C2	Hóa
6	12000246	Mai Thị Yến Nhi	12/03/2008	Nữ	12C3	Hóa
7	12000248	Võ Nguyễn Yến Nhi	14/05/2008	Nữ	12C1	Hóa
8	12000251	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	24/05/2008	Nữ	12C3	Hóa
9	12000252	Bùi Thị Huỳnh Như	08/05/2008	Nữ	12C3	Hóa
10	12000255	Lê Quỳnh Như	26/05/2008	Nữ	12C3	Hóa
11	12000256	Lê Quỳnh Như	19/08/2008	Nữ	12C1	Hóa
12	12000263	Võ Nguyễn Gia Như	15/11/2008	Nữ	12C3	Hóa

Đông Sơn, ngày 4 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 31

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000143	Nguyễn Đăng Khoa	17/08/2009	Nam	11B9	KTPL (11B8-11)
2	11000147	Phạm Ngọc Khuê	13/07/2009	Nữ	11B10	KTPL (11B8-11)
3	11000148	Võ Minh Khuê	28/08/2009	Nữ	11B11	KTPL (11B8-11)
4	11000155	Nguyễn Gia Kiệt	17/11/2009	Nam	11B10	KTPL (11B8-11)
5	11000158	Nguyễn Thị Thảo Kim	25/11/2009	Nữ	11B9	KTPL (11B8-11)
6	11000161	Bùi Nguyễn Hà Lâm	13/12/2009	Nữ	11B9	KTPL (11B8-11)
7	11000164	Phan Thị Kim Liên	31/05/2009	Nữ	11B11	KTPL (11B8-11)
8	11000165	Phan Thúy Liễu	02/11/2009	Nữ	11B11	KTPL (11B8-11)
9	11000166	Phan Thị Diệu Linh	01/11/2009	Nữ	11B10	KTPL (11B8-11)
10	11000169	Trương Hoàng Nhật Linh	04/09/2009	Nữ	11B8	KTPL (11B8-11)
11	11000171	Võ Thị Ngọc Linh	09/04/2009	Nữ	11B8	KTPL (11B8-11)
12	11000181	Võ Huỳnh Khánh Ly	19/07/2009	Nữ	11B10	KTPL (11B8-11)
1	12000266	Đỗ Thị Xuân Niêm	21/09/2008	Nữ	12C4	Hóa
2	12000267	Nguyễn Xuân Nin	10/11/2008	Nam	12C5	Hóa
3	12000271	Dương Anh Pháp	14/09/2007	Nam	12C3	Hóa
4	12000274	Phạm Tấn Phát	21/02/2008	Nam	12C4	Hóa
5	12000276	Võ Văn Phong	04/08/2008	Nam	12C4	Hóa
6	12000278	Đỗ Tấn Phong	14/03/2008	Nam	12C1	Hóa
7	12000280	Đồng Văn Phú	27/06/2008	Nam	12C2	Hóa
8	12000285	Huỳnh Tấn Phước	27/04/2008	Nam	12C1	Hóa
9	12000286	Trần Văn Phước	17/10/2008	Nam	12C2	Hóa
10	12000291	Phạm Duy Quân	10/09/2008	Nam	12C4	Hóa
11	12000294	Lê Thị Kim Quyên	16/08/2008	Nữ	12C3	Hóa
12	12000295	Nguyễn Tường Quyên	13/04/2008	Nữ	12C1	Hóa

Đông Sơn, ngày 4 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 32

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000182	Võ Thị Cẩm Ly	19/04/2009	Nữ	11B9	KTPL (11B8-11)
2	11000185	Nguyễn Duy Mạnh	10/04/2009	Nam	11B11	KTPL (11B8-11)
3	11000190	Bùi Đỗ Huyền My	01/01/2009	Nữ	11B9	KTPL (11B8-11)
4	11000196	Nguyễn Phạm Ty Na	09/11/2009	Nữ	11B8	KTPL (11B8-11)
5	11000198	Nguyễn Thị Ly Na	04/02/2009	Nữ	11B11	KTPL (11B8-11)
6	11000201	Trần Thúy Nga	07/07/2009	Nữ	11B11	KTPL (11B8-11)
7	11000206	Ngô Phạm Kim Ngân	01/10/2009	Nữ	11B11	KTPL (11B8-11)
8	11000207	Nguyễn Duy Ngân	29/03/2009	Nam	11B10	KTPL (11B8-11)
9	11000210	Nguyễn Thị Thúy Ngân	01/09/2009	Nữ	11B11	KTPL (11B8-11)
10	11000212	Trần Tô Diệu Ngân	15/04/2009	Nữ	11B8	KTPL (11B8-11)
11	11000213	Trương Thị Thu Ngân	10/08/2009	Nữ	11B9	KTPL (11B8-11)
12	11000215	Trần Tuyết Nghi	25/07/2009	Nữ	11B10	KTPL (11B8-11)
1	12000296	Đỗ Như Quỳnh	20/10/2008	Nữ	12C1	Hóa
2	12000299	Nguyễn Như Quỳnh	28/05/2008	Nữ	12C5	Hóa
3	12000302	Trần Văn Sang	10/08/2008	Nam	12C4	Hóa
4	12000304	Nguyễn Văn Sơn	14/02/2008	Nam	12C2	Hóa
5	12000305	Nguyễn Quốc Tài	29/08/2008	Nam	12C3	Hóa
6	12000309	Võ Văn Tài	01/04/2008	Nam	12C2	Hóa
7	12000310	Bùi Văn Tâm	24/03/2008	Nam	12C1	Hóa
8	12000314	Thới Văn Tâm	19/01/2008	Nam	12C4	Hóa
9	12000315	Nguyễn Phạm Duy Tân	11/10/2008	Nam	12C5	Hóa
10	12000317	Kiều Quang Thái	22/07/2008	Nam	12C3	Hóa
11	12000320	Võ Phan Nhật Thành	25/02/2008	Nam	12C3	Hóa
12	12000323	Nguyễn Thị Thảo	21/06/2008	Nữ	12C1	Hóa

Đông Sơn, ngày 4 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 33

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000220	Huỳnh Đào Như Ngọc	16/03/2009	Nữ	11B10	KTPL (11B8-11)
2	11000221	Lê Quý Như Ngọc	17/05/2009	Nữ	11B8	KTPL (11B8-11)
3	11000223	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	14/04/2009	Nữ	11B8	KTPL (11B8-11)
4	11000225	Phan Thị Thúy Ngọc	24/08/2009	Nữ	11B11	KTPL (11B8-11)
5	11000228	Trịnh Yên Ngọc	25/10/2009	Nữ	11B11	KTPL (11B8-11)
6	11000230	Nguyễn Đan Nguyên	17/01/2009	Nam	11B9	KTPL (11B8-11)
7	11000231	Nguyễn Thị Nguyên	23/10/2009	Nữ	11B8	KTPL (11B8-11)
8	11000232	Võ Phan Hoàng Nguyên	05/01/2009	Nam	11B9	KTPL (11B8-11)
9	11000236	Đặng Thiện Nhân	19/04/2009	Nam	11B9	KTPL (11B8-11)
10	11000240	Phạm Đỗ Hoài Nhất	20/04/2009	Nam	11B11	KTPL (11B8-11)
11	11000244	Đinh Thị Hồng Nhi	28/07/2008	Nữ	11B11	KTPL (11B8-11)
12	11000247	Hồ Thị Bảo Nhi	04/07/2009	Nữ	11B10	KTPL (11B8-11)
1	12000324	Nguyễn Thu Thảo	22/05/2008	Nữ	12C5	Hóa
2	12000325	Phạm Thị Thu Thảo	27/08/2008	Nữ	12C1	Hóa
3	12000327	Phan Đình Thắng	05/09/2008	Nam	12C1	Hóa
4	12000329	Đỗ Nguyễn Thành Thi	11/05/2008	Nam	12C2	Hóa
5	12000330	Nguyễn Ngọc ý Thiên	29/11/2008	Nam	12C4	Hóa
6	12000331	Võ Duy Thiên	29/11/2008	Nam	12C2	Hóa
7	12000332	Võ Tấn Thiên	12/11/2008	Nam	12C2	Hóa
8	12000333	Đặng Tấn Thiện	14/01/2008	Nam	12C4	Hóa
9	12000334	Nguyễn Thanh Thiện	25/06/2008	Nam	12C1	Hóa
10	12000337	Nguyễn Minh Thôi	27/03/2008	Nam	12C5	Hóa
11	12000341	Thới Thị Thuận	29/11/2008	Nữ	12C1	Hóa
12	12000343	Đỗ Thị Kim Thủy	12/07/2007	Nữ	12C5	Hóa

Đông Sơn, ngày 4 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 34

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000249	Lương Thị Yến Nhi	21/06/2009	Nữ	11B8	KTPL (11B8-11)
2	11000253	Phạm Thị Yến Nhi	21/04/2009	Nữ	11B11	KTPL (11B8-11)
3	11000254	Tạ Thị Ái Nhi	12/10/2009	Nữ	11B10	KTPL (11B8-11)
4	11000256	Võ Thị Uyên Nhi	06/02/2009	Nữ	11B8	KTPL (11B8-11)
5	11000258	Tiêu Thị Hồng Nhiên	14/06/2009	Nữ	11B10	KTPL (11B8-11)
6	11000263	Võ Thị Thu Nhung	08/01/2009	Nữ	11B8	KTPL (11B8-11)
7	11000264	Đoàn Thị Huỳnh Như	01/06/2009	Nữ	11B11	KTPL (11B8-11)
8	11000271	Đỗ Nguyễn Quốc Ninh	25/01/2009	Nam	11B9	KTPL (11B8-11)
9	11000277	Nguyễn Bùi Phương Ny	09/04/2009	Nữ	11B9	KTPL (11B8-11)
10	11000281	Nguyễn Việt Phương Oanh	05/05/2009	Nữ	11B8	KTPL (11B8-11)
11	11000285	Đào Thị Quỳnh Phi	30/10/2009	Nữ	11B8	KTPL (11B8-11)
12	11000287	Đỗ Duy Phin	10/10/2009	Nam	11B11	KTPL (11B8-11)
1	12000344	Võ Ngọc Thanh Thúy	18/08/2008	Nữ	12C3	Hóa
2	12000349	Nguyễn Anh Thư	23/02/2008	Nữ	12C1	Hóa
3	12000354	Huỳnh Tiêu Diễm Thương	01/04/2008	Nữ	12C3	Hóa
4	12000356	Nguyễn Thị Kim Thương	18/11/2008	Nữ	12C1	Hóa
5	12000357	Trần Thị Thu Thương	04/02/2008	Nữ	12C1	Hóa
6	12000359	Trương Thị Hồng Tiên	20/09/2008	Nữ	12C4	Hóa
7	12000360	Phạm Vũ Tiến	19/08/2008	Nam	12C1	Hóa
8	12000361	Võ Tấn Tin Tin	25/05/2008	Nam	12C3	Hóa
9	12000362	Nguyễn Bá Tín	20/01/2008	Nam	12C5	Hóa
10	12000369	Võ Thùy Trang	17/07/2008	Nữ	12C5	Hóa
11	12000372	Nguyễn Thùy Trâm	14/01/2008	Nữ	12C3	Hóa
12	12000373	Phạm Ngọc Trâm	09/06/2008	Nữ	12C3	Hóa

Đông Sơn, ngày 4 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 35

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000290	Nguyễn Vũ Phong	27/04/2009	Nam	11B11	KTPL (11B8-11)
2	11000293	Đàm Việt Phú	12/09/2009	Nam	11B10	KTPL (11B8-11)
3	11000294	Huỳnh Thị Thu Phú	25/06/2009	Nữ	11B8	KTPL (11B8-11)
4	11000295	Trần Lê Phú	03/01/2009	Nam	11B10	KTPL (11B8-11)
5	11000298	Trần Thanh Phúc	06/12/2009	Nam	11B9	KTPL (11B8-11)
6	11000299	Nguyễn Hoàng Phước	01/06/2009	Nam	11B8	KTPL (11B8-11)
7	11000301	Nguyễn Văn Phước	03/09/2009	Nam	11B9	KTPL (11B8-11)
8	11000305	Đặng Hà Phương	29/11/2009	Nữ	11B9	KTPL (11B8-11)
9	11000309	Nguyễn Thị Phước Quý	26/08/2009	Nữ	11B10	KTPL (11B8-11)
10	11000310	Nguyễn Thị Cẩm Quyên	27/08/2009	Nữ	11B8	KTPL (11B8-11)
11	11000312	Phan Thị Ngọc Quyên	05/09/2009	Nữ	11B9	KTPL (11B8-11)
12	11000318	Bùi Xuân Quỳnh	25/10/2009	Nam	11B9	KTPL (11B8-11)
1	12000374	Phạm Thị Thùy Trâm	27/06/2008	Nữ	12C2	Hóa
2	12000378	Võ Thị Kiều Trâm	26/09/2008	Nữ	12C5	Hóa
3	12000383	Nguyễn Văn Triết	28/12/2008	Nam	12C2	Hóa
4	12000384	Cao Thị Huyền Trinh	17/09/2008	Nữ	12C1	Hóa
5	12000385	Huỳnh Thị Trinh	26/04/2008	Nữ	12C1	Hóa
6	12000387	Tiêu Thị Mỹ Trinh	14/10/2008	Nữ	12C5	Hóa
7	12000388	Nguyễn Phúc Trọng	08/08/2008	Nam	12C5	Hóa
8	12000389	Nguyễn Ngọc Diễm Trúc	31/08/2008	Nữ	12C5	Hóa
9	12000390	Lê Quang Trung	20/08/2008	Nam	12C4	Hóa
10	12000394	Phạm Vũ Quang Trường	06/03/2008	Nam	12C2	Hóa
11	12000396	Trương Gia Trường	30/05/2008	Nam	12C4	Hóa
12	12000397	Nguyễn Văn Trường	28/05/2008	Nam	12C2	Hóa

Đông Sơn, ngày 4 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NGÃI

TRƯỜNG THCS VÀ THPT VAN TƯỜNG

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 36

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000319	Cao Thị Như Quỳnh	02/11/2009	Nữ	11B11	KTPL (11B8-11)
2	11000322	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	30/12/2009	Nữ	11B9	KTPL (11B8-11)
3	11000325	Đặng Tấn Rìn	20/10/2009	Nam	11B10	KTPL (11B8-11)
4	11000326	Dương Tấn Sang	15/01/2009	Nam	11B11	KTPL (11B8-11)
5	11000338	Võ Lâm Thái	09/07/2009	Nam	11B10	KTPL (11B8-11)
6	11000343	Bùi Thị Thu Thảo	09/07/2009	Nữ	11B11	KTPL (11B8-11)
7	11000344	Huỳnh Thị Kim Thảo	22/10/2009	Nữ	11B10	KTPL (11B8-11)
8	11000345	Nguyễn Ngọc Thảo	21/08/2009	Nữ	11B10	KTPL (11B8-11)
9	11000346	Nguyễn Thị Thu Thảo	04/07/2009	Nữ	11B11	KTPL (11B8-11)
10	11000348	Nguyễn Thị Hồng Thắm	15/01/2009	Nữ	11B8	KTPL (11B8-11)
11	11000350	Phạm Thị Hoàng Thắm	04/01/2009	Nữ	11B8	KTPL (11B8-11)
12	11000353	Thới Lê Nhất Thiên	06/10/2009	Nam	11B8	KTPL (11B8-11)
1	12000399	Nguyễn Việt Tuấn	12/02/2008	Nam	12C1	Hóa
2	12000401	Huỳnh Quốc Tuấn	24/05/2008	Nam	12C4	Hóa
3	12000402	Lê Minh Tuấn	20/09/2008	Nam	12C4	Hóa
4	12000403	Đỗ Hữu Tùng	19/07/2008	Nam	12C4	Hóa
5	12000404	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	03/06/2008	Nữ	12C3	Hóa
6	12000405	Phạm Ánh Tuyền	08/07/2008	Nữ	12C2	Hóa
7	12000408	Trương Xuân Tường	09/11/2008	Nam	12C4	Hóa
8	12000411	Võ Nguyễn Tú Uyên	12/11/2008	Nữ	12C3	Hóa
9	12000413	Lê Thị Vi	09/04/2008	Nữ	12C5	Hóa
10	12000415	Võ Thị Tường Vi	27/07/2008	Nữ	12C4	Hóa
11	12000419	Tạ Đình Viễn	21/03/2008	Nam	12C3	Hóa
12	12000420	Nguyễn Thanh Việt	19/05/2008	Nam	12C2	Hóa

Đông Sơn, ngày 4 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 37

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000354	Hồ Ngọc Thiện	25/11/2009	Nam	11B9	KTPL (11B8-11)
2	11000362	Nguyễn Thái Thông	21/02/2009	Nam	11B10	KTPL (11B8-11)
3	11000367	Trương Thị Phương Thúy	01/05/2009	Nữ	11B10	KTPL (11B8-11)
4	11000368	Lê Thị Thuỳên	25/08/2009	Nữ	11B11	KTPL (11B8-11)
5	11000369	Bùi Nguyễn Khánh Thư	09/08/2009	Nữ	11B11	KTPL (11B8-11)
6	11000370	Bùi Võ Quý Thư	03/12/2009	Nữ	11B10	KTPL (11B8-11)
7	11000371	Lê Anh Thư	04/07/2009	Nữ	11B10	KTPL (11B8-11)
8	11000372	Nguyễn Anh Thư	29/11/2009	Nữ	11B11	KTPL (11B8-11)
9	11000377	Nguyễn Thị Anh Thư	25/10/2009	Nữ	11B9	KTPL (11B8-11)
10	11000378	Nguyễn Thị Anh Thư	18/12/2009	Nữ	11B10	KTPL (11B8-11)
11	11000382	Tiêu Thị Quỳnh Thư	30/06/2009	Nữ	11B8	KTPL (11B8-11)
12	11000383	Vũ Thị Anh Thư	20/10/2009	Nữ	11B8	KTPL (11B8-11)
1	12000421	Võ Hoàng Việt	30/10/2008	Nam	12C5	Hóa
2	12000423	Nguyễn Quốc Vin	25/10/2008	Nam	12C4	Hóa
3	12000427	Nguyễn Trung Vũ	16/05/2008	Nam	12C3	Hóa
4	12000428	Nông Công Vũ	02/10/2008	Nam	12C4	Hóa
5	12000430	Bùi Thị Uyên Vy	05/05/2008	Nữ	12C3	Hóa
6	12000432	Nguyễn Thị Minh Vy	15/02/2008	Nữ	12C4	Hóa
7	12000433	Nguyễn Thị Mỹ Vy	11/04/2008	Nữ	12C3	Hóa
8	12000434	Trần Thị Yến Vy	16/01/2008	Nữ	12C1	Hóa
9	12000435	Võ Thị Yến Vy	22/10/2008	Nữ	12C2	Hóa
10	12000437	Trần Hoàng Xuyên	02/02/2008	Nữ	12C4	Hóa
11	12000438	Bùi Thị Như ý	21/01/2008	Nữ	12C3	Hóa
12	12000440	Phạm Thanh Ý	12/06/2008	Nam	12C4	Hóa
13	12000441	Nguyễn Thế Yên	10/01/2008	Nam	12C2	Hóa
14	12000443	Phù Kim Yến	14/01/2008	Nữ	12C1	Hóa

Đông Sơn, ngày 4 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 38

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000384	Nguyễn Thanh Thức	23/01/2009	Nam	11B10	KTPL (11B8-11)
2	11000387	Bùi Bảo Thy	11/07/2009	Nữ	11B8	KTPL (11B8-11)
3	11000392	Lê Thị Kim Tiên	02/04/2009	Nữ	11B9	KTPL (11B8-11)
4	11000393	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	23/03/2009	Nữ	11B9	KTPL (11B8-11)
5	11000395	Võ Thị Kim Tiên	19/03/2009	Nữ	11B10	KTPL (11B8-11)
6	11000396	Trần Mạnh Tiến	12/04/2009	Nam	11B9	KTPL (11B8-11)
7	11000397	Nguyễn Tấn Tinh	12/02/2009	Nam	11B9	KTPL (11B8-11)
8	11000398	Trần Thị Kim Tòà	27/01/2009	Nữ	11B9	KTPL (11B8-11)
9	11000408	Lê Đặng Thùy Trâm	03/03/2009	Nữ	11B10	KTPL (11B8-11)
10	11000409	Nguyễn Lê Ngọc Trâm	11/02/2009	Nữ	11B9	KTPL (11B8-11)
11	11000410	Phạm Minh Trâm	31/08/2009	Nữ	11B9	KTPL (11B8-11)
12	11000412	Tiêu Bảo Trâm	19/05/2009	Nữ	11B11	KTPL (11B8-11)
13	11000417	Nguyễn Ngọc Bảo Trinh	28/02/2009	Nữ	11B10	KTPL (11B8-11)
14	11000418	Nguyễn Thị Kiều Trinh	29/12/2009	Nữ	11B9	KTPL (11B8-11)
15	11000419	Phạm Trương Trinh	20/11/2009	Nữ	11B10	KTPL (11B8-11)
16	11000420	Võ Ngọc Trịnh	22/10/2009	Nam	11B9	KTPL (11B8-11)
17	11000421	Hà Lê Minh Trọng	01/05/2009	Nam	11B9	KTPL (11B8-11)
18	11000426	Nguyễn Chí Trung	15/06/2009	Nam	11B10	KTPL (11B8-11)
19	11000428	Nguyễn Huỳnh Phi Trường	22/09/2009	Nam	11B8	KTPL (11B8-11)
20	11000430	Nguyễn Thanh Đan Trường	16/08/2008	Nam	11B11	KTPL (11B8-11)
21	11000434	Phan Bùi Tuấn Tú	31/01/2009	Nam	11B8	KTPL (11B8-11)
22	11000437	Nguyễn Thanh Tuấn	30/05/2009	Nam	11B8	KTPL (11B8-11)

Đông Sơn, ngày 4 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

PHÒNG KIỂM TRA SỐ: 39

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000438	Nguyễn Thanh Tuấn	07/04/2009	Nam	11B10	KTPL (11B8-11)
2	11000441	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	20/02/2009	Nữ	11B9	KTPL (11B8-11)
3	11000443	Đỗ Phạm Ánh Tuyết	25/10/2009	Nữ	11B11	KTPL (11B8-11)
4	11000445	Nguyễn Văn Tý	28/11/2009	Nam	11B9	KTPL (11B8-11)
5	11000446	Bùi Ngọc Phương Uyên	18/10/2009	Nữ	11B11	KTPL (11B8-11)
6	11000449	Nguyễn Thị Vần	24/10/2009	Nữ	11B8	KTPL (11B8-11)
7	11000451	Phạm Thị Yến Vi	30/04/2009	Nữ	11B9	KTPL (11B8-11)
8	11000453	Đặng Lan Viên	14/11/2009	Nữ	11B8	KTPL (11B8-11)
9	11000455	Nguyễn Duy Việt	01/09/2009	Nam	11B10	KTPL (11B8-11)
10	11000457	Đỗ Hữu Vin	17/09/2009	Nam	11B10	KTPL (11B8-11)
11	11000458	Lê Phạm Văn Vin	01/08/2009	Nam	11B9	KTPL (11B8-11)
12	11000460	Dương Thế Vũ	01/10/2009	Nam	11B10	KTPL (11B8-11)
13	11000461	Đỗ Ngọc Vũ	20/10/2009	Nam	11B10	KTPL (11B8-11)
14	11000462	Phạm Hoàng Vũ	16/04/2009	Nam	11B11	KTPL (11B8-11)
15	11000467	Đặng Thị Nhật Vy	26/10/2009	Nữ	11B10	KTPL (11B8-11)
16	11000468	Phạm Hà Vy	12/04/2009	Nữ	11B8	KTPL (11B8-11)
17	11000469	Trần Phạm Thanh Vy	01/08/2009	Nữ	11B9	KTPL (11B8-11)
18	11000470	Lê Thị Kim Xuân	27/08/2009	Nữ	11B10	KTPL (11B8-11)
19	11000471	Bùi Hà Như Ý	07/07/2009	Nữ	11B9	KTPL (11B8-11)
20	11000477	Mai Bảo Yến	17/12/2009	Nữ	11B11	KTPL (11B8-11)
21	11000478	Nguyễn Hoàng Kim Yến	29/04/2009	Nữ	11B10	KTPL (11B8-11)
22	11000479	Nguyễn Thị Phi Yến	04/02/2009	Nữ	11B10	KTPL (11B8-11)
23	11000483	Võ Thị Kim Yến	16/07/2009	Nữ	11B11	KTPL (11B8-11)

Đông Sơn, ngày 4 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm